

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
1	310001	1	Cà Hải	An	10/10/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.3	3.6	5.9	130
2	310002	1	Đỗ Hồng Phúc	An	23/01/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Tiếng Anh		2.2	2.5	4.7	261
3	310003	1	Đồng Hà	An	28/01/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.6	3.1	5.7	145
4	310004	1	Nguyễn Đình Bảo	An	14/01/2011	9A11	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Tiếng Anh		2	1.1	3.1	388
5	310005	1	Nguyễn Khánh	An	01/11/2011	9B	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Tiếng Anh		1.95	2	3.95	326
6	310006	1	Nguyễn Khánh	An	02/08/2011	9A6	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Tiếng Anh		1.55	2	3.55	358
7	310007	1	Nguyễn Minh	An	23/05/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.55	1.4	2.95	394
8	310008	1	Nguyễn Quốc	An	19/03/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.35	3.3	5.65	150
9	310009	1	Nguyễn Thu	An	30/10/2011	9D1	THCS Trần Hưng Đạo, Phường Kiến An	Tiếng Anh		2.7	5.2	7.9	8
10	310010	1	Phạm Bảo	An	21/07/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		2.8	5.4	8.2	4
11	310011	1	Phạm Hải	An	22/01/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.4	2.3	3.7	346
12	310012	1	Phạm Xuân	An	02/04/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		2.65	3.8	6.45	83
13	310013	1	Trần Nguyễn Phong	An	22/06/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.15	3.5	5.65	150
14	310014	1	Bùi Đức	Anh	27/08/2011	9H	THCS Tứ Minh, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2.65	5.7	8.35	3
15	310015	1	Bùi Ngọc Châu	Anh	06/01/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.4	3.3	5.7	147
16	310016	1	Chu Ngọc Huyền	Anh	08/08/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		1.45	1	2.45	430
17	310017	1	Đặng Diệp	Anh	28/09/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.5	3.5	6	112
18	310018	1	Đặng Minh	Anh	01/11/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.7	1.8	3.5	362
19	310019	1	Đặng Minh	Anh	06/03/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.2	2.6	4.8	248
20	310020	1	Đình Ngọc Hoàng	Anh	14/06/2011	9C	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.4	1.4	2.8	411
21	310021	1	Đoàn Đức	Anh	12/06/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.2	2.9	5.1	213
22	310022	1	Đoàn Hà	Anh	10/03/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		1.8	1.8	3.6	354
23	310023	1	Dương Quỳnh	Anh	13/03/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.8	4.9	7.7	15
24	310024	1	Hà Phương	Anh	18/01/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2.6	3.9	6.5	75
1	310025	2	Khương Tùng	Anh	14/10/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tiếng Anh		2.1	2.3	4.4	289
2	310026	2	Lê Hà	Anh	21/05/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.65	3.9	6.55	72
3	310027	2	Lê Hoàng	Anh	21/10/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.75	5	7.75	12
4	310028	2	Lê Huyền	Anh	22/11/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.45	1.4	2.85	409
5	310029	2	Lưu Tâm	Anh	11/05/2011	9B	THCS Quang Thành, Xã Nam An Phú	Tiếng Anh		2.15	2.7	4.85	241
6	310030	2	Mạc Diệp	Anh	06/10/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		2.2	2.5	4.7	261
7	310031	2	Mạc Mai	Anh	29/01/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.55	2	3.55	358
8	310032	2	Nguyễn Đoàn Bảo	Anh	09/11/2011	9A12	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.5	3.5	6	112
9	310033	2	Nguyễn Đức	Anh	06/11/2011	9A11	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Tiếng Anh	Toán	1.75	1	2.75	413
10	310034	2	Nguyễn Dương Minh	Anh	16/10/2011	9B	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh		1.85	2.2	4.05	319
11	310035	2	Nguyễn Hoàng Diệu	Anh	03/03/2011	9E	THCS Lai Cách, Phường Việt Hòa	Tiếng Anh		1.85	1.1	2.95	394

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
12	310036	2	Nguyễn Mai	Anh	13/05/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.2	3.4	5.6	157
13	310037	2	Nguyễn Minh	Anh	08/01/2011	9A	THCS An Phương, Xã Hà Tây	Tiếng Anh		1.9	2.2	4.1	316
14	310038	2	Nguyễn Phương	Anh	21/11/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.15	3.1	5.25	191
15	310039	2	Nguyễn Phương Hà	Anh	18/11/2011	9A12	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		1.95	1.1	3.05	389
16	310040	2	Nguyễn Quốc	Anh	03/02/2011	9H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Sinh học	1.6	1.3	2.9	400
17	310041	2	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	22/07/2011	9A	THCS Quốc Tuấn, Xã Trần Phú	Tiếng Anh		2.25	1.7	3.95	326
18	310042	2	Nguyễn Việt	Anh	11/05/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh	Tin học	2.15	3.8	5.95	120
19	310043	2	Nguyễn Việt	Anh	22/11/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.65	4.2	6.85	51
20	310044	2	Nguyễn Vũ Tuấn	Anh	06/01/2011	9A5	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Tiếng Anh		1.15	1.4	2.55	426
21	310045	2	Nhữ Vân	Anh	11/06/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2.15	2.3	4.45	286
22	310046	2	Phạm Thị Quỳnh	Anh	21/05/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.25	1.8	4.05	322
23	310047	2	Phạm Trang	Anh	21/11/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.6	2.9	5.5	166
24	310048	2	Phạm Tuấn	Anh	09/03/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		1.95	1	2.95	394
1	310049	3	Phan Đình Nhật	Anh	26/09/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.95	0.7	2.65	419
2	310050	3	Trần Đức	Anh	25/03/2011	9A	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Tiếng Anh		2.05	2.95	5	226
3	310051	3	Trần Hải	Anh	19/07/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.35	4.2	6.55	69
4	310052	3	Trần Phương	Anh	12/04/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		2.1	3	5.1	214
5	310053	3	Vũ Tiến	Anh	05/02/2011	9D	THCS Thị Trấn Núi Đồi, Xã Kiến Thụy	Tiếng Anh		1.8	3	4.8	251
6	310054	3	Vương Phương	Anh	13/03/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2.65	4.85	7.5	24
7	310055	3	Nguyễn Minh	Ánh	17/06/2011	9B	THCS Cẩm Hoàng, Xã Cẩm Giang	Tiếng Anh		1.8	2.4	4.2	307
8	310056	3	Hà Tôn	Ba	19/09/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.15	2	4.15	311
9	310057	3	Đông Xuân	Bách	27/05/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.5	3.4	5.9	123
10	310058	3	Mai Hoàng	Bách	02/09/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.1	3.65	5.75	142
11	310059	3	Nguyễn Đăng	Bách	14/12/2011	9	THCS Lương Khánh Thiện, xã An Quang	Tiếng Anh		2	2.8	4.8	251
12	310060	3	Nguyễn Việt	Bách	23/10/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.7	2.5	4.2	307
13	310061	3	Đặng Gia	Bảo	21/12/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.85	2.2	4.05	319
14	310062	3	Nguyễn Gia	Bảo	14/07/2011	9D	THCS Tân Kỳ, Xã Tân Kỳ	Tiếng Anh	Toán	1.95	2.3	4.25	301
15	310063	3	NGUYỄN GIA	BẢO	03/12/2011	9A12	THCS TRẦN PHÚ, Phường Lê Chân	Tiếng Anh	Toán	1.8	1.8	3.6	352
16	310064	3	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	28/07/2011	9D	THCS Tiên Tiến, Phường Nam Đồng	Tiếng Anh		1.25	0.7	1.95	454
17	310065	3	Nguyễn Văn Minh	Bảo	10/10/2011	9A	THCS An Phương, Xã Hà Tây	Tiếng Anh	Toán	2	1.7	3.7	343
18	310066	3	Phạm Gia	Bảo	03/10/2011	9C	THCS Hải Tân, Phường Tân Hưng	Tiếng Anh		2.05	1.8	3.85	335
19	310067	3	Phạm Gia	Bảo	18/12/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.05	0.8	1.85	458
20	310068	3	Bùi Thị An	Bình	18/11/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.6	0.4	2	451
21	310069	3	Lê Thị Hải	Bình	14/12/2011	9a1	THCS Vĩnh Sơn, Phường Imperia, Phường Thới Bình	Tiếng Anh		2.25	3.6	5.85	131
22	310070	3	Nguyễn Bách Gia	Bình	24/10/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.3	1.7	3	391

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
23	310071	3	Nguyễn Thanh	Bình	21/03/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2	2.95	4.95	232
24	310072	3	Bùi Hoàng Minh	Châu	19/01/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.35	3.25	5.6	158
1	310073	4	Đỗ Nguyễn Bảo	Châu	13/09/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.6	3.9	6.5	75
2	310074	4	Lê Thị Minh	Châu	28/06/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Tiếng Anh		2.35	3.8	6.15	102
3	310075	4	Nguyễn Minh	Châu	04/04/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.35	0.9	2.25	442
4	310076	4	Nguyễn Minh	Châu	29/11/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	0.95	1	1.95	454
5	310077	4	Phạm Ngọc Minh	Châu	08/10/2012	8M	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.6	2	3.6	352
6	310078	4	Phạm Ngọc Minh	Châu	14/05/2011	9A3	THCS Hoàng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.55	4.3	6.85	51
7	310079	4	Trần Bảo	Châu	10/12/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.4	3.5	5.9	123
8	310080	4	Trần Bảo	Châu	27/07/2012	8E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.65	2.2	3.85	334
9	310081	4	Trần Minh	Châu	01/08/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.7	1.2	2.9	400
10	310082	4	Bùi Quỳnh	Chi	09/09/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		0.35	0.8	1.15	471
11	310083	4	Đình Hà	Chi	18/02/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.2	0.9	2.1	448
12	310084	4	Đồng Mai	Chi	24/06/2012	8A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		1.95	1.7	3.65	349
13	310085	4	Đồng Phương	Chi	28/09/2011	9C	THCS Liên Hòa, Xã Kim Thành	Tiếng Anh		2.35	2.7	5.05	222
14	310086	4	Hoàng Hà	Chi	02/03/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		1.95	2.55	4.5	277
15	310087	4	Lê Hà	Chi	24/07/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		1.1	1.6	2.7	416
16	310088	4	Nguyễn Hà	Chi	07/02/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.25	1.1	2.35	436
17	310089	4	Nguyễn Hà Diệp	Chi	15/04/2011	9I	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		2.35	2.7	5.05	222
18	310090	4	Nguyễn Khánh	Chi	09/05/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.45	4.15	6.6	66
19	310091	4	Nguyễn Khánh	Chi	24/06/2012	8H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		0.9	0.7	1.6	463
20	310092	4	Nguyễn Linh	Chi	15/06/2011	9D	THCS Tiên Tiến, Phường Nam Đồng	Tiếng Anh	Ngữ văn	1.5	0.95	2.45	430
21	310093	4	Nguyễn Mai	Chi	15/01/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Tiếng Anh		2.5	3.2	5.7	145
22	310094	4	Nguyễn Phương	Chi	04/03/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.8	3.9	6.7	59
23	310095	4	Nguyễn Quế	Chi	05/12/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		0.8	0.7	1.5	468
24	310096	4	Phạm Khánh	Chi	12/07/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		1.95	2.4	4.35	291
25	311274	4	Lê Sơn	Tùng	04/10/2011	9D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.4	0.5	1.9	456
1	310097	5	Phạm Quỳnh	Chi	11/05/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2.65	3.2	5.85	131
2	310098	5	Ngô Quý	Chiến	02/05/2011	9D	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		2.05	3.3	5.35	185
3	310099	5	Lê Đăng	Công	01/11/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2.5	4.6	7.1	38
4	310100	5	Hoàng Mạnh	Cường	10/10/2011	9A1	THCS Lương Khảm Thiên, Phường Phù Liễn	Tiếng Anh		2.3	2.6	4.9	239
5	310101	5	Lê Phú	Cường	18/04/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.65	2	3.65	349
6	310102	5	Nguyễn Quốc	Cường	31/05/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2	2.3	4.3	299
7	310103	5	Phạm Tuấn	Cường	12/10/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.2	3.7	5.9	123
8	310104	5	Lê Phú	Dân	26/05/2012	8A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		1.15	0.7	1.85	459

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
9	310105	5	Bùi Linh	Đan	24/07/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.5	1.9	3.4	371
10	310106	5	Đình Trần Hải	Đăng	15/11/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.05	3.9	5.95	120
11	310107	5	Đỗ Vũ Hải	Đăng	18/03/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghi, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.55	5.05	7.6	20
12	310108	5	Phạm Bá	Đăng	29/10/2011	9A	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.3	2.6	4.9	239
13	310109	5	Bùi Minh	Đạt	09/03/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.8	2.2	4	325
14	310110	5	Phạm Tiến	Đạt	11/08/2011	9A5	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.6	4.15	6.75	54
15	310111	5	Vũ Trọng	Đạt	25/07/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.45	4.5	6.95	46
16	310112	5	Lê Ngọc	Diệp	22/07/2011	9K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.45	0.8	2.25	442
17	310113	5	Nguyễn Ngọc	Diệp	16/05/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Tiếng Anh		2.3	2.8	5.1	214
18	310114	5	Trần Ngọc	Diệp	19/05/2011	9A	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		1.9	2.25	4.15	311
19	310115	5	Vũ Như	Diệp	29/03/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh					Vắng
20	310116	5	Nguyễn Thị Phương	Đông	06/11/2011	9E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh	Sinh học	1.35	1	2.35	436
21	310117	5	Bùi Minh	Đức	06/03/2011	9B	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.75	2.75	4.5	277
22	310118	5	Lê Quyền	Đức	07/01/2011	9E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh	Toán	1.8	2.9	4.7	261
23	310119	5	Nguyễn Minh	Đức	29/07/2011	9C	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		1.75	1.1	2.85	403
24	310120	5	Nguyễn Trọng	Đức	05/01/2011	9G	THCS Tứ Minh, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		1.8	2	3.8	337
25	311659	5	Phạm Trần Trung	Nghĩa	02/10/2011	9D7	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.4	4.1	6.5	75
1	310121	6	Phạm Nguyên	Đức	03/12/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.15	4.4	6.55	69
2	310122	6	Cao An	Dung	17/02/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh					Vắng
3	310123	6	Vũ Thái	Dung	14/05/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.3	2.7	5	226
4	310124	6	Nguyễn Tiến	Dũng	01/12/2011	9B	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh		1.95	3	4.95	230
5	310125	6	Nguyễn Trung	Dũng	21/04/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh		2.5	5	7.5	24
6	310126	6	Phạm Công	Dũng	12/03/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.35	1.8	3.15	386
7	310127	6	Phạm Tiến	Dũng	04/07/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.5	5	7.5	24
8	310128	6	Vũ Tiến	Dũng	04/04/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2.25	2.9	5.15	209
9	310129	6	Vũ Trí	Dũng	21/06/2011	9G	THCS Kê Sắt, Xã Kê Sắt	Tiếng Anh		1.85	1.35	3.2	381
10	310130	6	Vũ Trung	Dũng	07/07/2011	9A5	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Tiếng Anh		1.6	1.2	2.8	411
11	310131	6	Vương Tiến	Dũng	28/11/2011	9D	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tiếng Anh		1.8	1.75	3.55	358
12	310132	6	Lê Hoàng Ánh	Dương	24/01/2011	9B	THCS Tiên Tiến, Phường Nam Đồng	Tiếng Anh	Sinh học	1.6	0.9	2.5	429
13	310133	6	Nguyễn Hải	Dương	23/01/2011	9K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.25	1.6	2.85	403
14	310134	6	Nguyễn Thùy	Dương	02/04/2011	9B	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Tiếng Anh		2.35	4	6.35	88
15	310135	6	Nguyễn Thùy	Dương	21/09/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.3	2.9	5.2	204
16	310136	6	Phạm Thái	Dương	18/02/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		1.55	1.2	2.75	413
17	310137	6	Phạm Thùy	Dương	15/03/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh		1.45	1.4	2.85	403
18	310138	6	Phạm Trần Hà	Dương	04/07/2011	9G	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		2.55	3	5.55	164

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
19	310139	6	Vũ Thùy	Dương	07/09/2011	9C	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		1.85	1.3	3.15	384
20	310140	6	Hà Đức	Duy	15/08/2011	9C	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.6	4	6.6	66
21	310141	6	Bùi Gia Thảo	Duyên	28/10/2011	9C	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.55	2.85	5.4	177
22	310142	6	Đỗ Văn Trường	Giang	13/02/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.5	4.5	7	44
23	310143	6	Hoàng Thị	Giang	01/02/2011	9A1	THCS Hòa Động, Phường Thủy Nguyên	Tiếng Anh		2.4	3.3	5.7	147
24	310144	6	Lưu Thị Hà	Giang	20/08/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.65	2.8	4.45	286
1	310145	7	Nguyễn Hương	Giang	03/12/2011	9B	THCS Nam Đồng, Phường Nam Đồng	Tiếng Anh	Ngữ văn	1.85	1.6	3.45	366
2	310146	7	Nguyễn Như Kiều	Giang	08/11/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh		1.75	1.8	3.55	358
3	310147	7	Nguyễn Trường	Giang	09/09/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh	Toán	1.45	2	3.45	366
4	310148	7	Nguyễn Vũ Hương	Giang	17/05/2011	9A	THCS Thượng Vũ, Xã Lai Khê	Tiếng Anh		2.25	3.2	5.45	175
5	310149	7	Nguyễn Vũ Hương	Giang	08/04/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.9	4.4	7.3	34
6	310150	7	Nguyễn Vũ Thu	Giang	11/11/2011	9B	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.2	3.9	6.1	104
7	310151	7	Phạm Hoàng	Giang	19/05/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.95	3.85	5.8	138
8	310152	7	Phạm Minh	Giang	04/01/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.95	4.4	7.35	32
9	310153	7	Tăng Hoàng Hương	Giang	09/05/2011	9B	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2.3	4.3	6.6	66
10	310154	7	Trần Hà	Giang	29/05/2011	9A9	THCS Đăng Hải, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.45	4.1	6.55	72
11	310155	7	Bùi Nguyễn Khánh	Hà	24/06/2011	9A	THCS Hồng Lạc, Xã Hà Bắc	Tiếng Anh	Toán	1.5	0.5	2	451
12	310156	7	Đặng Ngân	Hà	01/06/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.05	2.5	4.55	276
13	310157	7	Đoàn Ngân	Hà	05/10/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.35	3.2	5.55	161
14	310158	7	Dương Vũ Ngân	Hà	17/04/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.2	2.6	4.8	248
15	310159	7	Lê Minh	Hà	07/01/2012	8B2	THCS Đa Nặng, Phường Ngô Quyền	Tiếng Anh		2.8	4.9	7.7	15
16	310160	7	Lê Thị Vân	Hà	14/12/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		1.4	0.6	2	451
17	310161	7	Nguyễn Lưu Thanh	Hà	22/7/2011	9D8	THCS An Dương, Phường An Dương	Tiếng Anh		2.15	2.2	4.35	291
18	310162	7	Nguyễn Minh	Hà	01/05/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.5	2.8	5.3	188
19	310163	7	Nguyễn Mỹ	Hà	11/02/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.35	2.9	5.25	191
20	310164	7	Nguyễn Ngọc	Hà	28/03/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.45	4.5	6.95	46
21	310165	7	Nguyễn Thị Ngân	Hà	25/02/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh		2.35	2.4	4.75	255
22	310166	7	Nguyễn Trần Ngân	Hà	12/12/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2	3.95	5.95	115
23	310167	7	Phạm Khánh	Hà	13/08/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.8	4.6	6.4	87
24	310168	7	Phạm Thanh	Hà	02/01/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.9	3	4.9	234
1	310169	8	Vũ Khánh	Hà	28/09/2011	9A11	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Tiếng Anh		2.4	3.8	6.2	100
2	310170	8	Vũ Nguyễn Thu	Hà	20/06/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.45	3.9	6.35	88
3	310171	8	Vũ Phạm Khánh	Hà	31/03/2011	9A2	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.15	3.1	5.25	191
4	310172	8	Vũ Thị Khánh	Hà	22/05/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.35	3.1	5.45	170
5	310173	8	Nguyễn Hồng	Hải	27/03/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.45	5.1	7.55	23

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
6	310174	8	Nguyễn Minh	Hải	13/10/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		2.2	3.9	6.1	104
7	310175	8	Phí Mạnh	Hải	08/12/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Tiếng Anh		1.75	0.8	2.55	426
8	310176	8	Trần Đoàn Đức	Hải	22/02/2011	9D5	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.25	4	6.25	93
9	310177	8	Hoàng Gia	Hân	05/05/2011	9C	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2.25	2.9	5.15	209
10	310178	8	Nguyễn Ngọc	Hân	11/05/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tiếng Anh		1.85	1.9	3.75	339
11	310179	8	Phạm Ngọc	Hân	21/04/2011	9B	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.75	2.6	4.35	291
12	310180	8	Phạm Vũ Bảo	Hân	25/09/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.6	3.8	6.4	85
13	310181	8	Phan Lê Gia	Hân	15/04/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.25	4.1	6.35	88
14	310182	8	Lê Quý	Hiển	26/01/2012	8G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.55	3.4	4.95	230
15	310183	8	Nguyễn Trung	Hiếu	23/08/2011	9A	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.6	1.8	3.4	371
16	310184	8	Vũ Đức	Hiếu	27/05/2011	9A9	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh	Toán	0.95	0.6	1.55	465
17	310185	8	Đỗ Ngọc	Hiệu	27/03/2011	9A11	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Tiếng Anh		1.9	3.3	5.2	204
18	310186	8	Nguyễn Mai	Hoa	11/11/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2	3.4	5.4	177
19	310187	8	Vũ Phương	Hoa	20/07/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh	Ngữ văn	1.4	1.6	3	391
20	310188	8	Nghiêm Xuân	Hoàng	24/07/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.2	2.9	5.1	214
21	310189	8	Nguyễn Khánh	Hùng	04/07/2011	9B	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh		1.4	0.8	2.2	445
22	310190	8	Nguyễn Việt	Hùng	13/8/2011	9A1	THCS Lương Khánh Thiện, Phường Phú Liễn	Tiếng Anh		2.2	3.2	5.4	177
23	310191	8	Phạm Mạnh	Hùng	04/07/2010	9C	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.6	5.1	7.7	18
24	310192	8	Đỗ Hữu Gia	Hưng	23/03/2011	9B	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh		2.2	4.6	6.8	53
1	310193	9	Phạm Gia	Hưng	18/7/2011	9A12	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Tiếng Anh		2.55	5.1	7.65	19
2	310194	9	Lê Mai	Hương	13/05/2011	9D	THCS Hải Tân, Phường Tân Hưng	Tiếng Anh		2.2	2.4	4.6	274
3	310195	9	Nguyễn Thanh	Hương	08/12/2011	9A	THCS Đồng Cẩm, Xã Kim Thành	Tiếng Anh		1.75	1.4	3.15	386
4	310196	9	Phạm Ngọc Quỳnh	Hương	26/04/2011	9C	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.2	1.9	4.1	316
5	310197	9	Phạm Quỳnh	Hương	18/01/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		1.5	1.1	2.6	422
6	310198	9	Bùi Nguyễn Gia	Huy	10/08/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.4	3.6	6	112
7	310199	9	Bùi Quang	Huy	14/01/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.65	1.6	3.25	377
8	310200	9	Lê Gia	Huy	29/04/2011	9A6	THCS Lê Chân, Phường An Biên	Tiếng Anh		1.85	2.2	4.05	319
9	310201	9	Lê Quang	Huy	25/08/2011	9A5	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Tiếng Anh	Toán				Vắng
10	310202	9	Phạm Hoàng Gia	Huy	19/07/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tiếng Anh		1.9	1.6	3.5	362
11	310203	9	Phạm Khắc Gia	Huy	25/11/2011	9A8	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.1	3	5.1	214
12	310204	9	Phạm Quang	Huy	11/02/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh					Vắng
13	310205	9	Vũ Gia	Huy	02/03/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.55	2.7	4.25	301
14	310206	9	Nguyễn Khánh	Huyền	17/10/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh					Vắng
15	310207	9	Nguyễn Phạm Khánh	Huyền	05/11/2011	9A9	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.05	3.4	5.45	170
16	310208	9	Vũ Ngọc	Huyền	19/06/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.35	3.1	5.45	175

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
17	310209	9	Vũ Trọng	Khải	07/01/2011	9E	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.9	2.9	4.8	251
18	310210	9	Cù Hoàng Minh	Khang	22/10/2011	9A9	THCS Đặng Hải, Phường Hải An	Tiếng Anh		1.6	3.1	4.7	266
19	310211	9	Đỗ Minh	Khang	06/08/2011	9E	THCS Thị trấn Gia Lộc, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.05	3.4	5.45	170
20	310212	9	Lê Duy Phúc	Khang	13/04/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Từ Minh	Tiếng Anh		2.6	3.9	6.5	75
21	310213	9	Lưu Tuấn	Khang	12/04/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.25	3.5	5.75	142
22	310214	9	Nguyễn Minh	Khang	11/07/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.25	1.6	2.85	403
23	310215	9	Nguyễn Trần An	Khang	18/05/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.85	6.5	9.35	1
24	310216	9	Nguyễn Tuấn	Khang	02/05/2011	9G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.95	2.3	4.25	301
1	310217	10	Phạm Duy	Khang	14/03/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.4	4	6.4	85
2	310218	10	Trần Đức	Khang	03/08/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		0.9	0.7	1.6	463
3	310219	10	Bùi Bảo	Khanh	07/06/2011	9	THCS Hoàng Bàng, Phường Hồng Đăng	Tiếng Anh		2.05	2.4	4.45	284
4	310220	10	Phạm Uyển	Khanh	01/03/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.1	2.7	4.8	248
5	310221	10	Trần Bảo	Khanh	14/04/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.55	4.1	6.65	63
6	310222	10	Cao Việt	Khánh	12/05/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.1	3.3	5.4	177
7	310223	10	Nguyễn Cao Vân	Khánh	19/11/2011	9C	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.8	2.1	3.9	330
8	310224	10	Nguyễn Đăng Nam	Khánh	15/01/2012	8B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh	Toán	1.8	2.7	4.5	277
9	310225	10	Nguyễn Duy	Khánh	21/07/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh		1.95	2.2	4.15	311
10	310226	10	Nguyễn Kim	Khánh	09/12/2011	9B	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.8	1.1	2.9	398
11	310227	10	Nguyễn Nam	Khánh	24/10/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh		2.55	3.5	6.05	109
12	310228	10	Nguyễn Ngọc Vân	Khánh	01/02/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.4	3.1	5.5	166
13	310229	10	Phạm Công	Khánh	26/04/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tiếng Anh		2.7	4.4	7.1	38
14	310230	10	Phạm Vân	Khánh	04/11/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.55	2.8	5.35	185
15	310231	10	Vũ Nguyên	Khánh	06/11/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.6	5.2	7.8	10
16	310232	10	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	16/05/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.95	2.4	4.35	291
17	310233	10	Phạm Bách	Khoa	03/12/2011	9D	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.8	1.9	3.7	343
18	310234	10	Lê Anh	Khôi	27/08/2011	9A5	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Tiếng Anh					Vắng
19	310235	10	Nguyễn Minh	Khôi	19/11/2011	9G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.35	1.2	2.55	426
20	310236	10	Phạm Ngọc	Khôi	09/01/2011	9D9	THCS Chu Văn An, Phường Lê Chân	Tiếng Anh		2.15	1.2	3.35	374
21	310237	10	Phạm Nguyên	Khôi	16/4/2011	9A1	THCS Lương Nhữ Thận, Phường Phù Lỗ	Tiếng Anh		2.6	4.9	7.5	24
22	310238	10	Lê Trung	Kiên	13/11/2011	9G	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.8	2.5	4.3	299
23	310239	10	Nguyễn Đức	Kiên	31/08/2011	9C	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.85	3.3	5.15	209
24	310240	10	Trần Trọng	Kiên	20/06/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.5	4.4	6.9	48
1	310241	11	Trần Trung	Kiên	18/10/2011	9A12	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Tiếng Anh		2.1	4.05	6.15	102
2	310242	11	Trần Tuấn	Kiệt	31/05/2011	9A	THCS Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Đại Nãi	Tiếng Anh		1.95	2.9	4.85	241
3	310243	11	Vũ Nhân	Kiệt	24/08/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.5	4.2	6.7	58

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
4	310244	11	Lê Thị Thanh	Lam	14/12/2011	9A2	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		1.9	4.35	6.25	93
5	310245	11	Dương Tú	Lâm	19/12/2011	9D	THCS Hải Tân, Phường Tân Hưng	Tiếng Anh		2.1	4.4	6.5	75
6	310246	11	Hồ Tùng	Lâm	26/01/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.1	2.65	4.75	255
7	310247	11	Hoàng Bảo	Lâm	28/05/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2.4	3.5	5.9	123
8	310248	11	Hoàng Tuệ	Lâm	21/06/2011	9D	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.9	2.35	4.25	301
9	310249	11	Lê Tùng	Lâm	11/12/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.35	1	2.35	436
10	310250	11	Ngô Tùng	Lâm	17/02/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.25	3	5.25	191
11	310251	11	Trần Bảo	Lâm	07/11/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.1	2.6	4.7	261
12	310252	11	Vũ Nguyễn Bảo	Lâm	27/08/2011	9A	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.3	0.5	1.8	460
13	310253	11	Vũ Phạm Quế	Lâm	08/09/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh					Vắng
14	310254	11	Đỗ Thị Mai	Lan	14/01/2011	9	THCS Tân Quang, Xã Hồng Châu	Tiếng Anh		2.65	3.3	5.95	120
15	310255	11	Nguyễn Mai	Lan	05/02/2011	9D	THCS Quang Thành, Xã Nam An Phú	Tiếng Anh		2.8	5	7.8	11
16	310256	11	Nguyễn Thị Hương	Lan	07/11/2011	9B	THCS Trần Phú, Phường Thành Đông	Tiếng Anh	Toán	1.65	1	2.65	419
17	310257	11	Trần Ngọc	Lan	02/01/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		1.7	1.8	3.5	362
18	310258	11	Vũ Ngọc	Lan	21/06/2011	9A	THCS Long Xuyên, Xã Bình Giang	Tiếng Anh		2	3.8	5.8	138
19	310259	11	Phạm Phương	Liên	20/04/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.15	3.5	5.65	150
20	310260	11	Bùi Thùy	Linh	08/12/2011	9A	THCS Hải Tân, Phường Tân Hưng	Tiếng Anh		1.8	1.2	3	391
21	310261	11	Chu Khánh	Linh	03/06/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Tiếng Anh		2.55	3.7	6.25	93
22	310262	11	Đặng Tùng	Linh	02/11/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.65	5.2	7.85	9
23	310263	11	Đỗ Gia	Linh	10/12/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.25	1.4	2.65	419
24	310264	11	Đỗ Phạm Phương	Linh	23/10/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.45	4.2	6.65	60
1	310265	12	Đỗ Phương	Linh	15/09/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Tiếng Anh		2.1	2.4	4.5	277
2	310266	12	Đông Gia	Linh	21/09/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Tiếng Anh		2.3	2.9	5.2	204
3	310267	12	Hà Phương	Linh	16/05/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.65	2.6	4.25	301
4	310268	12	Lê Hà	Linh	27/06/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Tiếng Anh	Toán	2.55	2.7	5.25	191
5	310269	12	Lê Hà Phương	Linh	09/06/2011	9A5	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.25	3.7	5.95	115
6	310270	12	Lê Lý	Linh	17/02/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Tiếng Anh		1.85	0.6	2.45	430
7	310271	12	Lê Phương	Linh	13/03/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.4	2.9	5.3	188
8	310272	12	Nguyễn Bảo	Linh	31/01/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Tiếng Anh		2.05	3.6	5.65	156
9	310273	12	Nguyễn Gia	Linh	03/06/2011	9A15	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Tiếng Anh		1.85	2.65	4.5	277
10	310274	12	Nguyễn Khánh	Linh	16/01/2011	9A	THCS Cao An, Phường Việt Hòa	Tiếng Anh		1.95	1.1	3.05	389
11	310275	12	Nguyễn Khánh	Linh	14/07/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		2.3	4.35	6.65	63
12	310276	12	Nguyễn Mai	Linh	05/11/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.7	3.2	4.9	234
13	310277	12	Nguyễn Ngọc	Linh	05/10/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.3	3.2	5.5	166
14	310278	12	Nguyễn Ngọc Bảo	Linh	11/03/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.85	2.8	4.65	269

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
15	310279	12	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	03/02/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.1	3.5	5.6	158
16	310280	12	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	05/08/2011	9	THCS Đà Nẵng, phường Ngô Quyền	Tiếng Anh		2.65	4.1	6.75	54
17	310281	12	Nguyễn Phương	Linh	05/11/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.1	3.7	5.8	138
18	310282	12	Nguyễn Thị Tuệ	Linh	18/12/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.45	3.65	6.1	104
19	310283	12	Phạm Bảo	Linh	14/04/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		1.55	1.7	3.25	377
20	310284	12	Phạm Gia	Linh	30/07/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.1	1.6	2.7	416
21	310285	12	Phạm Phương	Linh	08/02/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.3	2.6	4.9	234
22	310286	12	Phạm Phương	Linh	05/06/2011	9C	THCS Quyết Thắng, Phường Ái Quốc	Tiếng Anh		2.05	2.8	4.85	241
23	310287	12	Tăng Bảo	Linh	3/10/2012	8E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.6	0.7	2.3	440
24	310288	12	Trần Gia	Linh	27/03/2011	9C	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Ngữ văn	1.8	1.65	3.45	366
1	310289	13	Trần Khánh	Linh	18/09/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.5	3.3	5.8	138
2	310290	13	Trịnh Huyền Khánh	Linh	18/12/2012	8C9	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.15	2.7	4.85	241
3	310291	13	Trịnh Thị Phương	Linh	11/05/2011	9A	THCS Hồng Lạc, Xã Hà Bắc	Tiếng Anh	Toán	1.8	0.8	2.6	422
4	310292	13	Văn Ngọc	Linh	06/08/2012	8P	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.8	1.4	3.2	381
5	310293	13	Vũ Lê Hà	Linh	06/10/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.15	1.8	3.95	326
6	310294	13	Vũ Ngọc Bảo	Linh	06/01/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Tiếng Anh		2.15	3.1	5.25	191
7	310295	13	Vũ Ngọc Bảo	Linh	15/03/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.55	4.2	6.75	54
8	310296	13	Vũ Nhật	Linh	19/12/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2.75	4.8	7.55	22
9	310297	13	Bùi Vũ Nhật	Long	06/11/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.2	2.8	5	226
10	310298	13	Đỗ Tuấn	Long	30/03/2012	8E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.4	3.4	4.8	251
11	310299	13	Nguyễn Võ Minh	Long	09/10/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.45	4.2	6.65	60
12	310300	13	Phan Nhật	Long	12/04/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.2	3.2	5.4	177
13	310301	13	Trần Diệu	Ly	21/01/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Tiếng Anh		1.65	2	3.65	349
14	310302	13	Trương Hương	Ly	13/03/2011	9G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.4	2.7	5.1	214
15	310303	13	Nguyễn Bùi Nhật	Mai	19/01/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh					Vắng
16	310304	13	Nguyễn Ngọc	Mai	08/06/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2	2.2	4.2	307
17	310305	13	Nguyễn Ngọc	Mai	02/12/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.85	1.9	3.75	339
18	310306	13	Phạm Chi	Mai	03/08/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.1	3.7	5.8	135
19	310307	13	Phạm Ngọc	Mai	22/11/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		2.85	4.2	7.05	42
20	310308	13	Phạm Thị Phương	Mai	15/07/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tiếng Anh		2.35	1.4	3.75	339
21	310309	13	Nguyễn Đức	Mạnh	09/10/2011	9A3	THCS VINSCHOOL IMPERIA, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.15	3.7	5.85	131
22	310310	13	Bùi Tân	Mão	21/12/2011	9B	THCS Thanh Xuân, Xã Hà Nam	Tiếng Anh					Vắng
23	310311	13	Bùi Trần Xuân	Minh	01/06/2011	9A	THCS Minh Tân, Phường Nhị Chiểu	Tiếng Anh		2	3.4	5.4	177
24	310312	13	Đình Quang	Minh	05/08/2011		THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Tiếng Anh		2.5	3.6	6.1	104
1	310313	14	Hoàng Hữu	Minh	18/10/2011	9A1	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.75	5	7.75	12

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
2	310314	14	Lê Nhật	Minh	30/09/2012	8K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh	Tin học	1.35	0.9	2.25	442
3	310315	14	Lê Tuệ	Minh	14/05/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.45	3.8	6.25	93
4	310316	14	Lương Bình	Minh	14/08/2011	9A5	THCS Trần Phú, Phường Phù Liên	Tiếng Anh		1.85	1.6	3.45	366
5	310317	14	Mai Quang	Minh	28/02/2011	9D	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		2.45	3.8	6.25	93
6	310318	14	Nguyễn Đức	Minh	07/03/2011	9D	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		2.3	3.05	5.35	185
7	310319	14	Nguyễn Gia	Minh	27/12/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.8	4.9	7.7	15
8	310320	14	Nguyễn Hiền	Minh	03/03/2011	9A6	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.5	4.8	7.3	35
9	310321	14	Nguyễn Khắc Tuệ	Minh	29/07/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.65	5.4	8.05	6
10	310322	14	Nguyễn Phạm Nguyệt	Minh	19/09/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tiếng Anh		1.95	2.1	4.05	322
11	310323	14	Nguyễn Quang	Minh	04/04/2011	9B	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh		1.9	3.2	5.1	214
12	310324	14	Nguyễn Quang	Minh	04/09/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		2.35	4.3	6.65	60
13	310325	14	Nguyễn Quang	Minh	24/08/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1	0.5	1.5	468
14	310326	14	Nguyễn Tiến	Minh	28/09/2011	9A8	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.6	4.3	6.9	48
15	310327	14	Phạm Doãn	Minh	02/02/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Tiếng Anh		2.4	3.5	5.9	123
16	310328	14	Phạm Khánh	Minh	01/05/2011	9D11	THCS Chu Văn An (Đông Hải Đèo) Phường Gia	Tiếng Anh		2.65	5.3	7.95	7
17	310329	14	Phùng Tuệ	Minh	25/05/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.7	2.8	4.5	277
18	310330	14	Trần Đức	Minh	03/03/2011	9D	THCS Lai Cách, Phường Việt Hòa	Tiếng Anh		1.55	1.75	3.3	375
19	310331	14	Trịnh Quang	Minh	14/04/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh		1	1.85	2.85	403
20	310332	14	Vũ Đăng	Minh	10/03/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh	Tin học	1.55	2.1	3.65	347
21	310333	14	Vũ Hiếu	Minh	04/04/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		1.65	3	4.65	269
22	310334	14	Vũ Ngọc	Minh	26/08/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2.35	3.2	5.55	161
23	310335	14	Vũ Xuân Nhật	Minh	30/07/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2	2.75	4.75	255
24	310336	14	Đặng Trà	My	27/06/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		2.5	4.9	7.4	29
1	310337	15	Mai Vũ Trà	My	21/05/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.7	4.9	7.6	20
2	310338	15	Nguyễn Ngọc Hà	My	04/01/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.05	2.4	4.45	286
3	310339	15	Phạm Trần Hà	My	17/10/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.45	1.3	2.75	413
4	310340	15	Đàm Văn Thành	Nam	07/02/2011	9A5	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		1.75	1.6	3.35	373
5	310341	15	Lê Vũ Hải	Nam	01/05/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh	Toán	1.3	1.1	2.4	435
6	310342	15	Lô Nhật	Nam	07/07/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		0.95	1.4	2.35	439
7	310343	15	Nguyễn Hải	Nam	09/10/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		2.6	5.15	7.75	12
8	310344	15	Phạm Bảo	Nam	18/03/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.35	2.5	4.85	241
9	310345	15	Vũ Đức An	Nam	20/01/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2.2	3.2	5.4	177
10	310346	15	Lê Hoàng	Ngân	27/07/2011	9C	THCS Lê Thanh Nghi, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		1.6	1.8	3.4	370
11	310347	15	Nguyễn Phúc Kim	Ngân	05/05/2012	8A	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.95	2.3	4.25	301
12	310348	15	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	15/9/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Tiếng Anh		1.55	1.7	3.25	377

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
13	310349	15	Phạm Hà	Ngân	15/12/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2	2.6	4.6	274
14	310350	15	Trần Hiếu	Ngân	12/06/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.3	3.75	6.05	109
15	310351	15	Trương Hoàng Trung	Nghĩa	24/03/2011	9C	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.95	1.85	3.8	337
16	310352	15	Đàm Tuấn	Ngọc	02/06/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.7	4.7	7.4	29
17	310353	15	Hoàng Khánh	Ngọc	13/06/2011	9G	THCS Tứ Minh, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2.05	2.4	4.45	284
18	310354	15	Lương Phương	Ngọc	16/02/2011	9A9	THCS Đăng Hải, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.3	3.4	5.7	147
19	310355	15	Nguyễn Hiền	Ngọc	02/10/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.6	1.3	2.9	398
20	310356	15	Phan Minh	Ngọc	09/10/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.25	3	5.25	191
21	310357	15	Trần Nguyễn Bảo	Ngọc	16/04/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tiếng Anh		2.35	4	6.35	88
22	310358	15	Trịnh Gia	Ngọc	17/07/2011	9B	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh		1.7	2.7	4.4	289
23	310359	15	Vũ Thị Hồng	Ngọc	27/03/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh		2	0.9	2.9	400
24	310360	15	Đào Thảo	Nguyễn	18/09/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.95	2.25	4.2	307
1	310361	16	Nguyễn Hải	Nguyễn	23/07/2011	9A9	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		2.15	2.5	4.65	269
2	310362	16	Nguyễn Thảo	Nguyễn	18/08/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.25	0.8	2.05	450
3	310363	16	Nguyễn Thị Bảo	Nguyễn	19/07/2011	9A	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2.7	4.4	7.1	38
4	310364	16	Nguyễn Tường	Nguyễn	26/02/2011	9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh	Tin học	1.9	3.2	5.1	214
5	310365	16	Phạm Phú	Nguyễn	20/10/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.95	2.8	4.75	255
6	310366	16	Lưu Khởi	Nguyễn	09/09/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh		1.9	3.3	5.2	204
7	310367	16	Đông Bùi Thiện	Nhân	11/08/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		0.9	0.9	1.8	460
8	310368	16	Hồ Văn	Nhi	03/03/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.5	2.75	5.25	191
9	310369	16	Nguyễn Thanh Tuệ	Nhi	15/08/2012	8P	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.25	0.3	1.55	465
10	310370	16	Phạm Ngọc Lan	Nhi	11/11/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.65	3.7	6.35	88
11	310371	16	Phạm Thị Khánh	Nhi	10/01/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		1.95	2.4	4.35	291
12	310372	16	Trần Văn	Nhi	16/02/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.1	0.45	1.55	465
13	310373	16	Vương Trần Ý	Nhi	19/01/2012	8P	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.3	0.8	2.1	448
14	310374	16	Mạc Trang	Nhung	05/11/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh		2.1	2.6	4.7	266
15	310375	16	Nguyễn Đức	Phát	20/09/2011	9A	THCS Đoàn Kết, Xã Hải Hưng	Tiếng Anh		1.95	2.4	4.35	291
16	310376	16	Bùi Huy	Phong	08/10/2011	9A5	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Tiếng Anh		2	2.7	4.7	261
17	310377	16	Bùi Nguyễn Quý	Phong	31/01/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.25	3.2	5.45	170
18	310378	16	Đặng Nam	Phong	14/03/2011	9B	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		2.55	4.5	7.05	43
19	310379	16	Hoàng Thanh	Phong	14/10/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.95	2.1	4.05	322
20	310380	16	Nguyễn Đăng Nam	Phong	06/02/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.55	4.6	7.15	37
21	310381	16	Nguyễn Tuấn	Phong	06/03/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.3	1.3	2.6	422
22	310382	16	Nguyễn Tường	Phong	26/02/2011	9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.3	3.3	5.6	158
23	310383	16	Phạm Tam	Phong	29/12/2011	9D5	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.9	5.7	8.6	2

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
24	310384	16	Triệu Nam	Phong	04/04/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.75	4.75	7.5	24
1	310385	17	Nguyễn Minh	Phú	24/09/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.95	3.7	5.65	150
2	310386	17	Nguyễn Hồng	Phúc	21/05/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh		2.25	3.7	5.95	115
3	310387	17	Trần Đức	Phúc	07/06/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.35	4.2	6.55	69
4	310388	17	Trần Minh	Phúc	21/04/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.95	2.7	4.65	269
5	310389	17	Bùi Minh	Phương	18/03/2011	9H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.05	3	5.05	224
6	310390	17	Đỗ Nguyễn Bảo	Phương	07/07/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		1.85	3	4.85	241
7	310391	17	Hoàng Thủy	Phương	05/12/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.9	1.7	3.6	354
8	310392	17	Nguyễn Mai	Phương	02/01/2011	9D4	THCS TỐ HIỆU,Phường Lê Chân	Tiếng Anh		2.4	3.25	5.65	150
9	310393	17	Nguyễn Quế	Phương	03/08/2011	9B	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh		2.2	3.75	5.95	115
10	310394	17	Nguyễn Trần Thảo	Phương	28/12/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.2	2.3	3.5	362
11	310395	17	Nguyễn Uyên	Phương	11/06/2012	8N	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.55	1.65	3.2	381
12	310396	17	Phạm Anh	Phương	26/01/2011	9G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.05	1.8	3.85	335
13	310397	17	Phạm Đỗ Hà	Phương	24/02/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Tiếng Anh		2.25	3.7	5.95	115
14	310398	17	Trần Hà	Phương	21/05/2011	9D4	THCS Chu Văn An,Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.25	3.4	5.65	150
15	310399	17	Trần Mai	Phương	19/10/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.2	4	6.2	99
16	310400	17	Trần Thị Mai	Phương	17/06/2011	9C	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh					Vắng
17	310401	17	Vũ Nguyễn Bảo	Phương	07/04/2011	9A15	THCS Trần Phú,Phường Lê Chân	Tiếng Anh		2.6	3.2	5.8	135
18	310402	17	Vũ Việt Mai	Phương	16/08/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.75	1.5	3.25	377
19	310403	17	Lương Đức Minh	Quân	08/08/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		0.95	1.2	2.15	446
20	310404	17	Tạ Đăng	Quân	02/10/2012	8I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.9	2	3.9	332
21	310405	17	Vũ Hoàng	Quân	07/01/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Tiếng Anh					Vắng
22	310406	17	Lương Văn Nhật	Quang	02/06/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Tiếng Anh	Toán	1.15	1.7	2.85	403
23	310407	17	Nguyễn Thế	Quang	11/04/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		1.55	2.05	3.6	354
24	310408	17	Nguyễn Tú	Quyên	17/09/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.45	3.1	5.55	161
1	310409	18	Phạm Tú	Quyên	09/11/2011	9A1	THCS Hưng Vương,Phường Hồng Đào	Tiếng Anh		1.95	1	2.95	394
2	310410	18	Đình Như	Quyên	14/02/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.45	4	6.45	82
3	310411	18	Đông Thị Diệp	Quyên	10/08/2011	9A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.35	2.75	5.1	214
4	310412	18	Nguyễn Ngọc Như	Quyên	08/03/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.9	3.1	5	226
5	310413	18	Nguyễn Trúc	Quyên	30/03/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.3	0.6	1.9	456
6	310414	18	Chu Bảo Ngọc San	San	14/12/2011	9K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.7	4.7	7.4	31
7	310415	18	Nguyễn Khánh	Sang	16/02/2011		THCS Đồng Hòa,Phường Kiến An	Tiếng Anh		2.65	5.5	8.15	5
8	310416	18	Ngô Giang	Sơn	23/03/2011	9N	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.05	1.4	2.45	430
9	310417	18	Đặng Anh	Tài	15/09/2011	9A	THCS Dân Chủ, Xã Tân Kỳ	Tiếng Anh		1.55	1.6	3.15	384
10	310418	18	Nguyễn Tuấn	Tài	04/06/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.55	1.05	2.6	422

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
11	310419	18	Nguyễn Xuân Đức	Tài	28/06/2011	9C	THCS Kê Sắt, Xã Kê Sắt	Tiếng Anh		1.95	3.4	5.35	184
12	310420	18	Phạm Hữu	Tài	23/02/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.55	2.9	5.45	170
13	310421	18	Lê Hoàng Thanh	Tâm	09/08/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Phù Liên	Tiếng Anh		1.35	1.35	2.7	416
14	310422	18	Vũ Thanh	Tâm	05/11/2011	9B	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		2.1	2.65	4.75	255
15	310423	18	Đậu Nam	Thắng	16/04/2011	9A8	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		1.9	3	4.9	234
16	310424	18	Phùng Đức	Thắng	28/03/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.4	3.4	5.8	135
17	310425	18	Nguyễn Đan	Thanh	21/12/2011	9D	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.95	3.6	5.55	164
18	310426	18	Nguyễn Phương	Thanh	17/07/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.25	3	5.25	191
19	310427	18	Bùi Minh	Thành	02/01/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Tiếng Anh		1.35	0.8	2.15	446
20	310428	18	Dương Hương	Thảo	24/05/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.9	2	3.9	332
21	310429	18	Nguyễn Phương	Thảo	03/01/2011	9D	THCS Lương Khánh Thiện, Xã An Lão	Tiếng Anh		2.2	3.05	5.25	191
22	310430	18	Vũ Hương	Thảo	04/11/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.75	3.7	6.45	83
23	310431	18	Vũ Thị Phương	Thảo	01/02/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		2.4	3.5	5.9	123
24	310432	18	Vũ Văn	Thi	12/03/2011	9A	THCS Lạc Long, Xã Nam An Phụ	Tiếng Anh	Toán	0.95	0.35	1.3	470
1	310433	19	Phạm Duy	Thịnh	21/01/2011	9A	THCS An Phượng, Xã Hà Tây	Tiếng Anh		1.65	2.3	3.95	329
2	310434	19	Phạm Tiến	Thọ	13/11/2011	9D	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		2.1	3.1	5.2	204
3	310435	19	Nguyễn Bảo	Thư	21/10/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.05	3.2	5.25	191
4	310436	19	Nguyễn Lê Anh	Thư	20/07/2011	9A	THCS Thị trấn Gia Lộc, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.65	4.7	7.35	33
5	310437	19	Phạm Duy	Thùng	14/03/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		0.85	0.9	1.75	462
6	310438	19	Nguyễn Thị Hiền	Thương	21/01/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh		2.3	2.55	4.85	241
7	310439	19	Nguyễn Ngọc Thu	Thủy	18/12/2011	9C	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.8	2.35	4.15	311
8	310440	19	Đỗ Ngọc	Thủy	28/10/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.85	3.05	4.9	234
9	310441	19	Phạm Ngọc	Thủy	10/03/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		2.75	4.4	7.15	36
10	310442	19	Bùi Thủy	Tiên	19/02/2011	9A	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.8	2.1	3.9	330
11	310443	19	Bùi Đỗ Thanh	Trà	21/11/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.25	3	5.25	191
12	310444	19	Hoàng Thị Bảo	Trần	08/08/2012	8N	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.3	3	5.3	188
13	310445	19	Nguyễn Huyền	Trang	22/06/2011	9E	THCS Thị trấn Gia Lộc, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		2.15	3	5.15	209
14	310446	19	Nguyễn Huyền	Trang	01/10/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		2.15	1.15	3.3	375
15	310447	19	Nguyễn Thị Minh	Trang	21/07/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		2.6	3.9	6.5	75
16	310448	19	Vũ Thị Quỳnh	Trang	06/12/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh		2.25	4.3	6.55	72
17	310449	19	Lê Minh	Trí	05/04/2011	9C	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tiếng Anh		1.95	2.8	4.75	255
18	310450	19	Nguyễn Đức	Trí	05/07/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.2	3	5.2	203
19	310451	19	Vũ Đức	Trí	14/02/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tiếng Anh		2	3.5	5.5	166
20	310452	19	Hoàng Đặng Bảo	Trinh	13/01/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh	Ngữ văn	2	2.1	4.1	316
21	310453	19	Hoàng	Trung	10/02/2012	8C8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Tiếng Anh		2.05	3	5.05	224

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
22	310454	19	Vũ Thành	Trung	22/07/2011	9A8	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.6	4.5	7.1	41
23	310455	19	Bùi Anh	Tú	13/05/2011	9A1	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tiếng Anh		2.5	4	6.5	75
24	310456	19	Nguyễn Anh	Tú	27/06/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		1.7	2	3.7	343
1	310457	20	Phạm Đỗ Cẩm	Tú	13/02/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.15	2.8	4.95	232
2	310458	20	Phạm Thị Cẩm	Tú	13/03/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.55	3.5	6.05	109
3	310459	20	Nguyễn Gia	Tuệ	27/09/2012	8B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh		0.9	1.4	2.3	440
4	310460	20	Bùi Thu	Uyên	14/06/2011	9A	THCS Nguyễn Giáp, Xã Nguyễn Giáp	Tiếng Anh		2.05	2.6	4.65	269
5	310461	20	Đỗ Xuân	Uyên	21/04/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.35	3.55	5.9	123
6	310462	20	Nguyễn Lâm	Uyên	28/06/2011	9D	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2	2.15	4.15	311
7	310463	20	Trần Diệu	Uyên	27/05/2011	9D	THCS Thị Trấn Núi Đồi, Xã Kiến Thụy	Tiếng Anh		1.8	1.85	3.65	347
8	310464	20	Bùi Thảo	Vân	04/10/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán	1.55	2.8	4.35	291
9	310465	20	Đỗ Tường	Vân	15/08/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.4	3.7	6.1	104
10	310466	20	Hoàng Mai Thanh	Vân	08/07/2011	9C	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh	Ngữ văn	1.95	1.8	3.75	339
11	310467	20	Ngô Khánh	Vân	26/07/2011	9D	THCS Thị Trấn Núi Đồi, Xã Kiến Thụy	Tiếng Anh		2.25	3.5	5.75	142
12	310468	20	Phạm Anh	Vân	03/08/2011	9B	THCS Quyết Thắng, Phường Ái Quốc	Tiếng Anh		1.45	1.4	2.85	409
13	310469	20	Vũ Thanh	Vân	01/01/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.65	4.1	6.75	54
14	310470	20	Vũ Thanh	Vân	01/01/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2.6	4.4	7	44
15	310471	20	Nguyễn Bách	Vĩ	18/09/2011	9C	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		2	2.7	4.7	266
16	310472	20	Trần Chí	Vĩ	03/09/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tiếng Anh		1.55	2.05	3.6	354
17	310473	20	Đào Quốc	Việt	24/11/2011	9D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.3	3.9	6.2	100
18	310474	20	Hoàng Thế	Vinh	18/12/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh		2.55	4.1	6.65	63
19	310475	20	Phạm Quang	Vũ	30/11/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tiếng Anh		2.1	2.2	4.3	298
20	310476	20	Vũ Dương	Vũ	06/05/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.5	3.75	6.25	93
21	310477	20	Nguyễn Tường	Vy	19/01/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh		2.4	4.5	6.9	48
22	310478	20	Phạm Hà	Vy	22/10/2011	9D8	THCS Đông Hải, Phường Đông Hải	Tiếng Anh		1.6	2.9	4.5	277
23	310479	20	Phạm Hoàng Liên	Vy	05/05/2011	9A	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Tiếng Anh		1.8	0.65	2.45	430
24	310480	20	Vũ Thị Hà	Vy	14/02/2011	9D4	THCS Tô Hiệu, Phường Lê Chân	Tiếng Anh		2.25	3.6	5.85	131
1	310481	21	Nguyễn Mai Khánh	An	20/09/2011	9A1	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Địa lí			4.5	4.5	46
2	310482	21	Phạm Nguyễn Mai	An	08/01/2011	9G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			5	5	36
3	310483	21	Bùi Phương	Anh	04/01/2011	9B	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Địa lí			4.25	4.25	47
4	310484	21	Nguyễn Tuấn	Anh	03/08/2011	9A2	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Địa lí			5.5	5.5	34
5	310485	21	Nguyễn Gia	Bảo	13/03/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Địa lí			8.5	8.5	7
6	310486	21	Ninh Gia	Bảo	13/03/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			8.25	8.25	8
7	310487	21	Khúc Quỳnh	Chi	20/09/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			4.75	4.75	40
8	310488	21	Nguyễn Thị Phương	Chi	12/07/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			8.75	8.75	4

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
9	310489	21	Trần Anh	Đức	09/09/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			9.25	9.25	1
10	310490	21	Trần Quang	Dũng	13/02/2011	9B1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Địa lí			6.75	6.75	21
11	310491	21	Lê Khánh	Giang	01/07/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Địa lí			6	6	31
12	310492	21	Phạm Thu	Giang	06/09/2011	9E	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			5	5	36
13	310493	21	Vũ Hương	Giang	08/01/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			1.5	1.5	62
14	310494	21	Bùi Đức	Hà	21/11/2011	9K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí					Vắng
15	310495	21	Lê Thị Minh	Hà	01/12/2011	9A	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Địa lí			7.5	7.5	16
16	310496	21	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	29/10/2011	9A	THCS Quốc Tuấn, Xã Trần Phú	Địa lí			6.5	6.5	27
1	310497	22	Đoàn Ngọc	Hân	03/06/2011	9A	THCS Thống Nhất, Xã Yết Kiêu	Địa lí			8.75	8.75	4
2	310498	22	Lê Nguyễn Gia	Hân	25/07/2011	9A11	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Địa lí			2.5	2.5	61
3	310499	22	Nguyễn Ngọc	Hân	15/03/2011	9B	THCS Cẩm Văn, Xã Tuệ Tĩnh	Địa lí			1	1	63
4	310500	22	Trần Gia	Hân	05/04/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Địa lí			8	8	11
5	310501	22	Lưu Trung	Hoàn	24/01/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			7.75	7.75	14
6	310502	22	Nguyễn Mai	Hương	04/01/2011	9C	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí					Vắng
7	310503	22	Lê Minh	Huyền	26/08/2011	9E	THCS Bình Hân, Phường Thành Đông	Địa lí			6.75	6.75	21
8	310504	22	Đình Quốc	Khánh	22/10/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghi, Xã Gia Lộc	Địa lí			7.25	7.25	18
9	310505	22	Phạm Ngọc	Khánh	18/05/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			3.25	3.25	53
10	310506	22	Phan Thị Kim	Khánh	02/05/2011	9D	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			5.75	5.75	32
11	310507	22	Phùng Quốc	Khánh	05/05/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			6.75	6.75	21
12	310508	22	Lê Minh	Khuê	22/03/2011	9B	THCS Nam Đông, Phường Nam Đông	Địa lí			6.75	6.75	21
13	310509	22	Nguyễn Hữu Trí	Kiệt	02/06/2011	9A9	THCS Đăng Hải, Phường Hải An	Địa lí			4.25	4.25	47
14	310510	22	Phạm Thị Tùng	Lâm	26/01/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			7.75	7.75	14
15	310511	22	Vũ Thị Quỳnh	Lâm	29/12/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			3	3	54
16	310512	22	Nguyễn Kim	Liên	11/07/2011	9B	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			4.75	4.75	40
1	310513	23	An Phương	Linh	29/11/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Địa lí			6.5	6.5	27
2	310514	23	Hoàng Trần Mai	Linh	10/05/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Địa lí			8	8	11
3	310515	23	Lê Ngọc Phương	Linh	08/08/2011	9A1	THCS-THPT FPT,	Địa lí			4.25	4.25	47
4	310516	23	Nguyễn Mỹ	Linh	31/10/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Địa lí			2.75	2.75	59
5	310517	23	Nghiêm Phương	Mai	01/06/2011	9E	THCS Bình Hân, Phường Thành Đông	Địa lí			4.75	4.75	40
6	310518	23	Nguyễn Nhật	My	27/11/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			0.75	0.75	64
7	310519	23	Lê Hải	Nam	04/10/2011	9A	THCS Đức Chính, Xã Tuệ Tĩnh	Địa lí			4.25	4.25	47
8	310520	23	Nguyễn Hải	Nam	24/08/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			3	3	54
9	310521	23	Nguyễn Hà	Ngân	08/11/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			4	4	51
10	310522	23	Tăng Hoàng	Ngân	17/04/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Địa lí			3.5	3.5	52
11	310523	23	Đình Bá	Nguyễn	15/08/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Địa lí			4.75	4.75	40

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
12	310524	23	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/12/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Địa lí			8.25	8.25	8
13	310525	23	Lưu Trọng	Phú	02/07/2011	9D	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			4.75	4.75	40
14	310526	23	Lê Hà	Phương	14/10/2011	9K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			5	5	36
15	310527	23	Trần Khánh	Phương	28/01/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Địa lí			8.75	8.75	4
16	310528	23	Phạm Thanh	Thảo	07/12/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Địa lí			8	8	11
17	310529	23	Trần Khánh	Thì	24/07/2011	9C	THCS Cẩm Thượng, Phường Thành Đông	Địa lí			7.25	7.25	18
1	310530	24	Phạm Linh	Thu	23/05/2011	9B	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			3	3	54
2	310531	24	Nguyễn Minh	Thư	24/10/2011	9M	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			7.5	7.5	16
3	310532	24	Vũ Thị Anh	Thư	11/02/2011	9A	THCS Thống Nhất, Xã Yết Kiêu	Địa lí			6.75	6.75	21
4	310533	24	Đào Thu	Thủy	08/08/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Địa lí			6.5	6.5	27
5	310534	24	Nguyễn Vũ Bảo	Trâm	12/01/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Địa lí			6.75	6.75	21
6	310535	24	Bùi Thu	Trang	17/06/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			8.25	8.25	8
7	310536	24	Nguyễn Hà	Trang	17/07/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Địa lí			5.25	5.25	35
8	310537	24	Nguyễn Mai	Trang	03/02/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Địa lí			9	9	2
9	310538	24	Trần Thu	Trang	06/02/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			3	3	54
10	310539	24	Đào Thanh	Trúc	21/07/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Địa lí			5.75	5.75	32
11	310540	24	Nguyễn Thanh	Trúc	30/08/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Địa lí			5	5	36
12	310541	24	Nguyễn Thành	Trung	09/08/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Địa lí			7.25	7.25	18
13	310542	24	Hoàng Minh	Tú	01/08/2011	9C	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			3	3	54
14	310543	24	Hồ Vũ Hà	Vân	06/08/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			4.75	4.75	40
15	310544	24	Phạm Quốc	Việt	22/01/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Địa lí			2.75	2.75	59
16	310545	24	Nguyễn Vũ Bảo	Yến	26/07/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Địa lí			9	9	2
17	310546	24	Vũ Bảo	Yến	17/01/2011	9A5	THCS Đặng Lâm, Phường Hải An	Địa lí			6.25	6.25	30
1	310547	25	Lương Xuân	An	23/01/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			6.5	6.5	38
2	310548	25	Phạm Thành	An	27/11/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán				Vắng
3	310549	25	Trần Đình Thiên	An	04/12/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			7.5	7.5	17
4	310550	25	Đoàn Trọng	Anh	01/01/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			7.75	7.75	14
5	310551	25	Lê Hà	Anh	01/08/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			7	7	28
6	310552	25	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	25/07/2011	9A	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Hóa học			4.75	4.75	77
7	310553	25	Lê Thị Ngọc	Anh	14/01/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Hóa học			4.5	4.5	82
8	310554	25	Lê Tùng	Anh	22/07/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Hóa học			4.5	4.5	82
9	310555	25	Nguyễn Đức	Anh	11/05/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			6.5	6.5	38
10	310556	25	Nguyễn Thị Minh	Anh	06/03/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Hóa học			3.75	3.75	101
11	310557	25	Nguyễn Thị Minh	Anh	10/05/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			7.25	7.25	24
12	310558	25	Nguyễn Việt	Anh	22/12/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Hóa học			4.75	4.75	77

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
13	310559	25	Nguyễn Xuân Huỳnh	Anh	07/08/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			5	5	74
14	310560	25	Phan Hùng	Anh	13/02/2011	9A1	Trường THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Hóa học			7.25	7.25	24
15	310561	25	Trần Nguyễn Bảo	Anh	22/06/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			4	4	93
16	310562	25	Nguyễn Quang	Bách	07/01/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Từ Minh	Hóa học			4.5	4.5	82
1	310563	26	Phạm Tùng	Bách	21/02/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Hóa học			3.5	3.5	107
2	310564	26	Trịnh Quang	Bách	06/01/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			3.25	3.25	110
3	310565	26	Nguyễn Thái	Bảo	31/05/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Hóa học			4	4	93
4	310566	26	Đặng Thanh	Bình	09/01/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Hóa học			2.75	2.75	117
5	310567	26	Đào Trần Minh	Châu	21/02/2011	9A	THCS Cẩm Văn, Xã Tuệ Tĩnh	Hóa học			7	7	28
6	310568	26	Phạm Diệp	Chi	10/11/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Hóa học			2.5	2.5	124
7	310569	26	Trần Diệp	Chi	18/11/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			0	0	153
8	310570	26	Vũ Lan	Chi	15/05/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Hóa học			4.5	4.5	82
9	310571	26	Nguyễn Đình Bảo	Chính	26/04/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Hóa học			7	7	28
10	310572	26	Lê Nhân	Đại	24/08/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			4.5	4.5	82
11	310573	26	Phạm Linh	Đan	19/09/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Hóa học			5.25	5.25	66
12	310574	26	Đình Viết	Đạt	06/08/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			7.5	7.5	17
13	310575	26	Nguyễn Văn	Đạt	31/10/2011	9A	THCS An Phụ, Phường Trần Liễu	Hóa học			4	4	93
14	310576	26	Trịnh Nguyễn Minh	Diệp	02/05/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			6.5	6.5	38
15	310577	26	Lê Toàn	Đức	17/05/2011	9A7	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Hóa học			3.75	3.75	101
16	310578	26	Nguyễn Anh	Đức	22/05/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Hóa học			3.25	3.25	110
1	310579	27	Nguyễn Anh	Đức	05/10/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		2.75	2.75	117
2	310580	27	Nguyễn Bùi Minh	Đức	11/03/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Hóa học			5.25	5.25	66
3	310581	27	Trần Hữu	Đức	08/12/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Hóa học			7	7	28
4	310582	27	Nguyễn Khuê	Dung	18/02/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			2	2	130
5	310583	27	Lê Thế	Dũng	06/01/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		2.25	2.25	126
6	310584	27	Nguyễn Anh	Dũng	28/08/2011	9A	THCS Kim Anh, Xã Phú Thái	Hóa học			4.75	4.75	77
7	310585	27	Nguyễn Việt	Dũng	30/10/2011	9A10	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Hóa học			5.5	5.5	58
8	310586	27	Vũ Đức Trí	Dũng	12/01/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Hóa học			7.75	7.75	14
9	310587	27	Nguyễn Thái	Dương	15/04/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Hóa học			3.75	3.75	101
10	310588	27	Nguyễn Thị Thùy	Dương	01/10/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			1.5	1.5	133
11	310589	27	Nguyễn Thuý	Dương	11/08/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			2.5	2.5	124
12	310590	27	Trần Ánh	Dương	13/10/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			2.75	2.75	117
13	310591	27	Vũ Đức	Duy	14/07/2011	9C	THCS Đông Cẩm, Xã Kim Thành	Hóa học			4.5	4.5	82
14	310592	27	Nguyễn Lê Khánh	Duyên	04/01/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			7.5	7.5	17
15	310593	27	Phạm Trường	Giang	22/10/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			1.5	1.5	133

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
16	310594	27	Phạm Minh	Hà	28/05/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			5.5	5.5	58
1	310595	28	Phạm Nguyệt	Hà	22/11/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			3	3	114
2	310596	28	Trần Ngân	Hà	11/01/2011	9A1	THCS-THPT FPT,	Hóa học			3.75	3.75	101
3	310597	28	Vũ Hồng	Hà	27/12/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Hóa học			5.5	5.5	58
4	310598	28	Bùi Phong	Hải	15/02/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Hóa học			4.75	4.75	77
5	310599	28	Đặng Tuấn	Hải	16/05/2011	9A	THCS Bạch Đằng, Phường Bắc An Phú	Hóa học			3.5	3.5	107
6	310600	28	Nguyễn Công Hoàng	Hải	29/07/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			4.5	4.5	82
7	310601	28	Nguyễn Mạnh	Hải	19/10/2011	9A	THCS Hải Tân, Phường Tân Hưng	Hóa học			3	3	114
8	310602	28	Vũ Mạnh	Hải	24/06/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Hóa học			5.5	5.5	58
9	310603	28	Vũ Nam	Hải	12/04/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			1.5	1.5	133
10	310604	28	Nguyễn Trung	Hiển	16/12/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			6.75	6.75	34
11	310605	28	Hoàng Trọng	Hiếu	01/09/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Hóa học			5.75	5.75	55
12	310606	28	Đào Nguyễn Tiến	Hoàng	14/10/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Hóa học			2.75	2.75	117
13	310607	28	Nguyễn Huy	Hoàng	29/09/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Hóa học			6.5	6.5	38
14	310608	28	Trương Thị Xuân	Huệ	25/09/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Hóa học			4	4	93
15	310609	28	Nguyễn Tuấn	Hùng	03/06/2011	9E	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Hóa học			3.5	3.5	107
16	310610	28	Đoàn Phúc	Hưng	17/09/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			1	1	143
1	310611	29	Nguyễn Gia	Hưng	26/01/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Hóa học			4	4	93
2	310612	29	Nguyễn Gia	Huy	18/01/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			7.5	7.5	17
3	310613	29	Trịnh Quang	Huy	22/06/2011	9A3	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Hóa học			8.25	8.25	8
4	310614	29	Vũ Tiến Quang	Huy	12/02/2011	9C	THCS Cẩm Hoàng, Xã Cẩm Giang	Hóa học			6	6	53
5	310615	29	Bùi Ngô Minh	Khang	26/12/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			8.5	8.5	4
6	310616	29	Nguyễn Văn	Khang	24/06/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Hóa học			5	5	74
7	310617	29	Nguyễn Duy Nam	Khánh	15/8/2026	9A	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Hóa học			2.75	2.75	117
8	310618	29	Nguyễn Gia	Khánh	20/02/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Hóa học			7.5	7.5	17
9	310619	29	Nguyễn Văn Duy	Khoa	04/12/2011	9B	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Hóa học			6.25	6.25	46
10	310620	29	Trần Đăng	Khôi	18/02/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Hóa học			6.75	6.75	34
11	310621	29	Vũ Ngọc	Kiên	21/06/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			7.5	7.5	17
12	310622	29	Đỗ Nhân	Kiệt	10/03/2011	9A9	THCS Đăng Hải, Phường Hải An	Hóa học			5	5	74
13	310623	29	Hồ Tùng	Lâm	17/10/2011	9A4	THCS Đăng Hải, Phường Hải An	Hóa học			5.5	5.5	58
14	310624	29	Nguyễn Thái	Lâm	08/01/2011	9A	THCS Thống Nhất, Xã Yết Kiêu	Hóa học			7	7	28
15	310625	29	Vũ Phạm Khánh	Lâm	27/08/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			3	3	114
16	310626	29	Nguyễn Hà	Linh	24/03/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			5.25	5.25	66
1	310627	30	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12/03/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Hóa học			4.75	4.75	77
2	310628	30	Phạm Duyên	Linh	07/07/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Hóa học			1.5	1.5	133

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
3	310629	30	Vũ Hà	Linh	14/06/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			6.25	6.25	46
4	310630	30	Vũ Minh	Lộc	29/06/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			5.25	5.25	66
5	310631	30	Vũ Quý	Lộc	17/05/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Hóa học			5.25	5.25	66
6	310632	30	Lê Thị Thanh	Mai	11/10/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			2.25	2.25	126
7	310633	30	Vũ Phương	Mai	15/01/2011	9B	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Hóa học	Toán		1.25	1.25	140
8	310634	30	Vũ Tuyết	Mai	20/10/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			1.5	1.5	133
9	310635	30	Bùi Hữu	Minh	16/10/2011	9	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			7	7	28
10	310636	30	Hoàng Anh	Minh	05/03/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			5.5	5.5	58
11	310637	30	Ngô Thu	Minh	28/10/2011	9C	THCS Hải Tân, Phường Tân Hưng	Hóa học			0.25	0.25	149
12	310638	30	Nguyễn Ngọc	Minh	08/12/2012	8P	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học					Vắng
13	310639	30	Nguyễn Tường	Minh	02/03/2011	9A	THCS Thị trấn Gia Lộc, Xã Gia Lộc	Hóa học			4	4	93
14	310640	30	Nguyễn Vũ	Minh	14/01/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Hóa học			6.25	6.25	46
15	310641	30	Trần Tuệ	Minh	27/09/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			0.75	0.75	146
16	310642	30	Vũ Nhật	Minh	15/02/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Hóa học			8	8	11
1	310643	31	Vũ Quốc	Minh	25/03/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Hóa học			5.25	5.25	66
2	310644	31	Lê Nguyễn Trà	My	19/04/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			9.25	9.25	1
3	310645	31	Nguyễn Hà	My	30/04/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Hóa học			3.25	3.25	110
4	310646	31	Đình Trọng Hải	Nam	22/03/2011	9A10	THCS Đăng Hải, Phường Hải An	Hóa học			6.25	6.25	46
5	310647	31	Nguyễn Đức	Nam	17/03/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Hóa học			9	9	2
6	310648	31	Vũ Đình	Nam	12/04/2011	9A6	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Hóa học			3.75	3.75	101
7	310649	31	Hoàng Linh	Nga	31/03/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			5.25	5.25	66
8	310650	31	Phạm Việt	Nga	06/06/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			4.5	4.5	82
9	310651	31	Tăng Việt	Nga	23/05/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			8	8	11
10	310652	31	Lê Hải	Ngân	08/05/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			5.75	5.75	55
11	310653	31	Nguyễn Trọng	Nghĩa	30/04/2011	9D	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			4.5	4.5	82
12	310654	31	Phạm Duy	Nghĩa	25/11/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Hóa học			8.5	8.5	4
13	310655	31	Vũ Đăng	Nghĩa	30/08/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Hóa học			5.25	5.25	66
14	310656	31	Nguyễn Khánh	Ngọc	06/03/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			7.75	7.75	14
15	310657	31	Nguyễn Minh	Ngọc	08/10/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			0.25	0.25	149
16	310658	31	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	11/01/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			2	2	130
1	310659	32	Nguyễn Võ Bảo	Ngọc	11/02/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Hóa học			3.75	3.75	101
2	310660	32	Phạm Thị Khánh	Ngọc	05/02/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			6.25	6.25	46
3	310661	32	Nguyễn Tuệ	Nguyễn	12/01/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Hóa học			2.25	2.25	126
4	310662	32	Phạm Hải	Nguyễn	14/09/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Hóa học			7.5	7.5	17
5	310663	32	Nguyễn Huy	Nhật	22/02/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			2.25	2.25	126

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
6	310664	32	Nguyễn Trần Hà	Nhi	29/01/2011	9A1	THCS Quán Toan, Phường Hồng An	Hóa học			8.25	8.25	8
7	310665	32	Lưu Đoàn Hải	Phong	27/04/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Hóa học			6.5	6.5	38
8	310666	32	Nguyễn Đức	Phong	23/12/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			4.25	4.25	92
9	310667	32	Trần Thiên	Phú	27/03/2011	9E	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			6.75	6.75	34
10	310668	32	Nguyễn Mai	Phương	04/08/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			6.5	6.5	38
11	310669	32	Nguyễn Minh	Quân	04/12/2011	9A	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Hóa học			8	8	11
12	310670	32	Nguyễn Thế	Quang	23/05/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Hóa học			8.75	8.75	3
13	310671	32	Ngô Kiến	Quốc	14/12/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Hóa học			2.75	2.75	117
14	310672	32	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	20/02/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Hóa học			0.5	0.5	148
15	310673	32	Nguyễn Minh	Tâm	02/03/2011	9A	THCS Thị trấn Gia Lộc, Xã Gia Lộc	Hóa học			0.25	0.25	149
16	310674	32	Đoàn Minh	Thái	24/05/2012	8T	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		0.75	0.75	146
1	310675	33	Nguyễn Quốc	Thái	16/06/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			7.25	7.25	24
2	310676	33	Trương Minh	Thành	21/10/2012	8D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			1.25	1.25	140
3	310677	33	Nguyễn Ngọc	Thạnh	17/04/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Hóa học			5.75	5.75	55
4	310678	33	Nguyễn Thu	Thảo	15/11/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		0.25	0.25	149
5	310679	33	Phùng Điền	Thịnh	16/03/2011	9A7	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hồng Bàng	Hóa học			8.5	8.5	4
6	310680	33	Nguyễn Anh	Thư	12/05/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			4	4	93
7	310681	33	Nguyễn Anh	Thư	04/08/2011	9A11	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Hóa học			4	4	93
8	310682	33	Đặng Thị Thu	Thủy	29/01/2011	9A15	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Hóa học			8.25	8.25	8
9	310683	33	Trần Phúc Minh	Tiến	11/01/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán				Vắng
10	310684	33	Hoàng Bảo	Trần	14/12/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			1.25	1.25	140
11	310685	33	Bùi Lê Bảo	Trang	07/01/2011	9B	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Hóa học			5.5	5.5	58
12	310686	33	Nhữ Quỳnh	Trang	14/10/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			6	6	53
13	310687	33	Phạm Quý	Trọng	11/10/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			2.75	2.75	117
14	310688	33	Cao Minh	Tú	08/09/2011	9A5	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Hóa học			6.5	6.5	38
15	310689	33	Nguyễn Anh	Tú	12/12/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Hóa học			5.5	5.5	58
16	310690	33	Đỗ Đông Mạnh	Tuấn	20/06/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Hóa học			6.25	6.25	46
1	310691	34	Vũ Lộc	Tuấn	17/02/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			7.25	7.25	24
2	310692	34	Phạm Gia Quý	Tùng	21/02/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			1	1	143
3	310693	34	Tô Vũ Thanh	Tùng	27/06/2011	9D	THCS Nguyễn Bình Khiêm, Xã Vĩnh Bảo	Hóa học					Vắng
4	310694	34	Khổng Minh Gia Cát	Tường	10/02/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			8.5	8.5	4
5	310695	34	Nguyễn Bảo	Uyên	22/10/2011	9B	THCS Cẩm Hoàng, Xã Cẩm Giang	Hóa học			4.5	4.5	82
6	310696	34	Tạ Thanh	Vân	06/11/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		1.5	1.5	133
7	310697	34	Phạm Quốc	Việt	17/10/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			1.75	1.75	132
8	310698	34	Phạm Thành	Vinh	05/06/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Hóa học			1	1	143

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
9	310699	34	Phạm Thế	Vinh	11/12/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Hóa học			6.75	6.75	34
10	310700	34	Lê	Vũ	03/04/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Hóa học			6.25	6.25	46
11	310701	34	Nguyễn Minh	Vũ	26/09/2011	9D	THCS Lai Cách, Phường Việt Hòa	Hóa học			1.5	1.5	133
12	310702	34	Nguyễn Như	Ý	25/11/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Hóa học			6.5	6.5	38
13	310703	34	Đỗ Hải	Yến	02/04/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học			3.25	3.25	110
1	310704	21	Đình Thế	An	01/03/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			4.75	4.75	52
2	310705	21	Vũ Bình	An	02/02/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			6.75	6.75	18
3	310706	21	Đào Mai	Anh	11/8/2011	9A1	THCS Lương Khánh Thiện, Phường Phù Lỗ	Lịch sử			1.5	1.5	82
4	310707	21	Đỗ Quỳnh	Anh	11/11/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			8.75	8.75	1
5	310708	21	Dương Ngọc	Anh	09/07/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Lịch sử			3.5	3.5	63
6	310709	21	Lê Mai	Anh	02/03/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			5.5	5.5	40
7	310710	21	Nguyễn Phương	Anh	09/12/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Lịch sử			3.25	3.25	66
8	310711	21	Nguyễn Thị Hà	Anh	18/02/2011	9B	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Lịch sử			2.5	2.5	73
9	310712	21	Phạm Phương	Anh	24/12/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			5.75	5.75	33
10	310713	21	Phạm Quỳnh	Anh	02/01/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Lịch sử			3	3	67
11	310714	21	Trần Linh	Anh	15/09/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			2.25	2.25	77
12	310715	21	Phạm Nguyệt	Ánh	18/04/2011	9B	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Lịch sử	Ngữ văn		6	6	28
13	310716	21	Đào Phạm Mai	Chi	15/08/2011	9A	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Lịch sử			6.5	6.5	21
14	310717	21	Lê Ngọc	Đan	04/01/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Lịch sử			5.75	5.75	33
15	310718	21	Giáp Hải	Đăng	19/10/2011	9A	THCS Cẩm Thượng, Phường Thành Đông	Lịch sử			6.25	6.25	25
16	310719	21	Vũ Minh	Đăng	22/06/2011	9B	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Lịch sử			6.75	6.75	18
1	310720	22	Nguyễn Quý	Đạt	03/02/2011	9G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			5	5	46
2	310721	22	Nguyễn Thành	Đạt	03/08/2011	9D	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			7.25	7.25	9
3	310722	22	Vũ Minh	Đức	24/11/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			3.5	3.5	63
4	310723	22	Nguyễn Khuê	Dung	25/08/2011	9N	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			3	3	67
5	310724	22	Nguyễn Thị Phương	Dung	07/03/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Lịch sử			4.75	4.75	52
6	310725	22	Nguyễn Thuý	Dương	21/10/2011	9B	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Lịch sử			5.75	5.75	33
7	310726	22	Trần Ánh	Dương	26/08/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Lịch sử			7.25	7.25	9
8	310727	22	Lưu Đức	Giang	20/03/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Lịch sử			3.5	3.5	63
9	310728	22	Đỗ Ngọc	Hà	15/09/2011	9C	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			7	7	14
10	310729	22	Lê Mạnh	Hà	15/07/2011	9D	THCS Việt Hòa, Phường Việt Hòa	Lịch sử			7.25	7.25	9
11	310730	22	Mạc Minh	Hà	30/06/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			5.75	5.75	33
12	310731	22	Nguyễn Hồng	Hà	24/01/2011	9A	THCS Trần Phú, Phường Thành Đông	Lịch sử			5	5	46
13	310732	22	Nguyễn Thị Linh	Hà	30/05/2011	9D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			6.5	6.5	21
14	310733	22	Trần Bích	Hà	21/03/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			5	5	46

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyên vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
15	310734	22	Mai Ngọc	Hân	23/03/2011	9C	THCS Trần Phú, Phường Thành Đông	Lịch sử			4.25	4.25	58
16	310735	22	Nguyễn Minh	Hàng	25/10/2011	9B	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Lịch sử			1.75	1.75	81
1	310736	23	Lê Mỹ	Hạnh	27/06/2011	9B	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			3	3	67
2	310737	23	Trần Thị	Hoa	21/11/2011	9A	THCS Đức Chính, Xã Tuệ Tĩnh	Lịch sử			3.75	3.75	62
3	310738	23	Nguyễn Lan	Hương	01/01/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Lịch sử			7.5	7.5	7
4	310739	23	Trần Quỳnh	Hương	27/08/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			8.5	8.5	2
5	310740	23	Trần Văn	Khánh	19/01/2011	9G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			5.25	5.25	44
6	310741	23	Trần Vũ Văn	Khánh	22/03/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			7	7	14
7	310742	23	Phạm Anh	Khoa	04/12/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			3	3	67
8	310743	23	Bùi Minh	Khuê	25/11/2011	9E	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Lịch sử			4.25	4.25	58
9	310744	23	Đào Mai	Linh	06/06/2011	9D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			4	4	60
10	310745	23	Hoàng Thị Nhật	Linh	20/04/2011	9D	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			4.5	4.5	56
11	310746	23	Ngô Khánh	Linh	23/02/2011	9B	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Lịch sử			5.75	5.75	33
12	310747	23	Nguyễn Hà	Linh	17/10/2011	9A12	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Lịch sử			4.75	4.75	52
13	310748	23	Nguyễn Mai	Linh	06/02/2011	9B	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Lịch sử			7.25	7.25	9
14	310749	23	Tăng Thị Hải	Linh	09/04/2011	9D	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			2.5	2.5	73
15	310750	23	Trần Thị Ngọc	Linh	04/06/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			5.75	5.75	33
16	310751	23	Trịnh Yên	Linh	10/02/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			6.5	6.5	21
17	310752	23	Kiều Tuấn	Minh	18/03/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			8.5	8.5	2
1	310753	24	Nguyễn Phạm Hồng	Minh	20/07/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			6	6	28
2	310754	24	Vũ Hà Thảo	My	20/12/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			1.25	1.25	83
3	310755	24	Đông Thị Kim	Ngân	03/01/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			7.25	7.25	9
4	310756	24	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	22/08/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Lịch sử			6	6	28
5	310757	24	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/09/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Lịch sử			7	7	14
6	310758	24	Nguyễn Phạm Bảo	Ngọc	06/02/2011	9C	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Lịch sử			6	6	28
7	310759	24	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	03/01/2011	9C	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Lịch sử			4.75	4.75	52
8	310760	24	Vũ Hoàng Bảo	Ngọc	09/10/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Lịch sử			4	4	60
9	310761	24	Nguyễn Thảo	Nguyễn	22/05/2011	9E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			8.25	8.25	4
10	310762	24	Phạm Hồng	Nguyễn	15/08/2011	9A3	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Lịch sử			2.25	2.25	77
11	310763	24	Nguyễn Lê Phương	Oanh	06/08/2011	9E	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			2	2	79
12	310764	24	Đào Công	Phong	21/09/2011	9A	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Lịch sử			5	5	46
13	310765	24	Đào Công	Phúc	21/09/2011	9A	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Lịch sử			6	6	28
14	310766	24	Lê Bảo	Phúc	10/07/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Lịch sử			5.5	5.5	40
15	310767	24	Nguyễn Mai	Phương	14/06/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Lịch sử			6.75	6.75	18
16	310768	24	Trần Đức Minh	Quân	15/07/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			4.5	4.5	56

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
17	310769	24	Lê Nhật	Quang	11/07/2011	9D11	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Lịch sử			2	2	79
1	310770	33	Lê Thế	Son	12/10/2011	9A	PT Tiernam Omemer Hải Phòng, Phường Đằng Hải	Lịch sử			5.25	5.25	44
2	310771	33	Nguyễn Hữu Minh	Thắng	04/01/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Lịch sử			6.25	6.25	25
3	310772	33	Đông Phương	Thảo	10/10/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Lịch sử			5.5	5.5	40
4	310773	33	Nguyễn Diệu	Thảo	30/07/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Lịch sử			7.75	7.75	6
5	310774	33	Nguyễn Hà Phương	Thảo	06/02/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Lịch sử			8.25	8.25	4
6	310775	33	Vũ Phương	Thảo	16/09/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Lịch sử			2.75	2.75	72
7	310776	33	Nguyễn Bảo	Trang	24/08/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			5.5	5.5	40
8	310777	33	Nguyễn Thu	Trang	15/10/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			7	7	14
9	310778	33	Cù Bảo	Trúc	19/06/2011	9B	THCS-THPT Marie Curie,	Lịch sử			5	5	46
10	310779	33	Phạm Khánh	Trung	05/10/2011	9M	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			3	3	67
11	310780	33	Nguyễn Minh	Tú	31/08/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			5.75	5.75	33
12	310781	33	Vũ Lê Thanh	Tú	12/08/2011	9D	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Lịch sử			2.5	2.5	73
13	310782	33	Dư Đức	Tùng	12/01/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			6.25	6.25	25
14	310783	33	Lê Tường	Vi	14/06/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Lịch sử			7.5	7.5	7
15	310784	33	Vũ Tường	Vi	01/01/2011	9B	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Lịch sử			5	5	46
16	310785	33	Nguyễn Hà	Vy	14/06/2011	9A6	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Lịch sử			2.5	2.5	73
17	310786	33	Nguyễn Khánh	Vy	14/09/2011	9H	THCS Tứ Minh, Phường Tứ Minh	Lịch sử			6.5	6.5	21
1	310787	25	Bùi Bình	An	22/02/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			5.75	5.75	44
2	310788	25	Nguyễn Đào Nguyên	An	15/01/2011	9A5	THCS Đặng Lâm, Phường Hải An	Vật lí			3.25	3.25	97
3	310789	25	Bùi Hoàng	Anh	28/02/2011	9A7	THCS Lương Khánh Thiện, Phường Phù Liễn	Vật lí			6.5	6.5	27
4	310790	25	Lê Phạm Minh Tuấn	Anh	27/09/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Vật lí			4	4	84
5	310791	25	Nguyễn Đức	Anh	30/03/2011	9A6	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Vật lí			8	8	5
6	310792	25	Nguyễn Đức	Anh	12/10/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Vật lí			4.25	4.25	77
7	310793	25	Nguyễn Hoàng	Anh	18/05/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			2.5	2.5	112
8	310794	25	Nguyễn Hoàng Duy	Anh	19/03/2011	9B	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Vật lí			5.5	5.5	53
9	310795	25	Nguyễn Vũ Tuệ	Anh	14/12/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			1.25	1.25	121
10	310796	25	Phạm Đức	Anh	08/05/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Vật lí			5.5	5.5	53
11	310797	25	Trần Việt	Anh	29/01/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			4.25	4.25	77
12	310798	25	Đặng Ngọc	Ánh	02/08/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Vật lí			7.75	7.75	9
13	310799	25	Nguyễn Gia	Bách	06/07/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Vật lí			3.25	3.25	97
14	310800	25	Vũ Anh	Bang	13/09/2011	9A	THCS Tuấn Việt, Xã Lai Khê	Vật lí			5.5	5.5	53
15	310801	25	Đỗ Nguyễn Gia	Bảo	12/04/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Vật lí			4.5	4.5	71
16	310802	25	Hoàng Quốc	Bảo	10/01/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			6	6	36
1	310803	26	Nguyễn Trí	Bảo	01/08/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Vật lí			6	6	36

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
2	310804	26	Đỗ Thanh	Bình	01/04/2011	9C	THCS Thị Trấn Núi Đồi, Xã Kiên Thụy	Vật lí			6.25	6.25	32
3	310805	26	Phạm Quang	Bình	25/02/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			5	5	66
4	310806	26	Vương Chí	Bình	13/07/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			9.25	9.25	1
5	310807	26	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	13/12/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Vật lí			3	3	105
6	310808	26	Nguyễn Việt	Cường	24/08/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Vật lí			5.75	5.75	44
7	310809	26	Đỗ Hải	Đăng	23/08/2011	9A9	THCS Đăng Hải, Phường Hải An	Vật lí			6	6	36
8	310810	26	Trần Hải	Đăng	10/02/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			1.25	1.25	121
9	310811	26	Lê Khả Thành	Danh	17/09/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Vật lí			4.75	4.75	70
10	310812	26	Nguyễn Vương	Đạt	10/07/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			4.25	4.25	77
11	310813	26	Nguyễn Ngọc	Diệp	28/05/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			1.75	1.75	118
12	310814	26	Cao Minh	Đức	27/07/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Vật lí			3.25	3.25	97
13	310815	26	Lê Vũ Hoàng	Đức	23/01/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			3	3	105
14	310816	26	Phan Nhật Minh	Đức	06/06/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			8.25	8.25	4
15	310817	26	Ngô Khuê	Dung	11/12/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			4	4	84
16	310818	26	Nguyễn Đình Anh	Dũng	01/03/2011	9K	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			6.5	6.5	27
1	310819	27	Phạm Minh	Dũng	22/01/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Vật lí			4.5	4.5	71
2	310820	27	Trần Vũ	Dũng	30/07/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Vật lí			2.75	2.75	109
3	310821	27	Nguyễn Đông	Dương	03/04/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			2.25	2.25	115
4	310822	27	Nguyễn Quý	Dương	31/07/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			7.75	7.75	9
5	310823	27	Vũ Tùng	Dương	20/11/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Vật lí			5.25	5.25	62
6	310824	27	Doãn Quang	Duy	19/05/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			6.5	6.5	27
7	310825	27	Nguyễn Hương	Giang	26/10/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Vật lí			5	5	66
8	310826	27	Trương Vũ Hương	Giang	22/03/2012	8C	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí					Vắng
9	310827	27	Phạm Mạnh	Hà	08/01/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			2	2	116
10	310828	27	Nguyễn Đức	Hải	06/03/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			7.5	7.5	12
11	310829	27	Vũ Trọng	Hải	08/07/2011	9B	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Vật lí			5	5	66
12	310830	27	Nguyễn Minh	Hiếu	16/06/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Vật lí			3.5	3.5	93
13	310831	27	Trần Quang	Hiếu	04/10/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Vật lí			6	6	36
14	310832	27	Nguyễn Ngọc Vy	Hoa	28/07/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			3.5	3.5	93
15	310833	27	Cao Lê Huy	Hoàng	31/07/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			0.5	0.5	125
16	310834	27	Đình Trần Minh	Hoàng	10/05/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			1	1	123
1	310835	28	Vũ Nguyễn Minh	Hùng	13/06/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			5.75	5.75	44
2	310836	28	Đào Việt	Hung	25/11/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			6	6	36
3	310837	28	Trần Phú	Hung	12/08/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			5.25	5.25	62
4	310838	28	Trịnh Thành	Hung	21/04/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí	Toán		6.75	6.75	24

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
5	310839	28	Nguyễn Quỳnh	Hương	03/07/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Vật lí			5.75	5.75	44
6	310840	28	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/12/2011	9A	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Vật lí			7	7	19
7	310841	28	Ngô Gia	Huy	24/01/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			3.25	3.25	97
8	310842	28	Nguyễn Công	Huy	01/06/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			1.5	1.5	120
9	310843	28	Vũ Văn	Khải	23/08/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghi, Xã Gia Lộc	Vật lí			4	4	84
10	310844	28	Nguyễn Đức	Khang	17/02/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			4	4	84
11	310845	28	Tường Vĩnh	Khang	07/01/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Vật lí			4.5	4.5	71
12	310846	28	Nguyễn Nam	Khánh	18/11/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Vật lí			6.25	6.25	32
13	310847	28	Phạm Trung	Khánh	11/10/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			7.25	7.25	16
14	310848	28	Trần Văn	Khánh	02/09/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			7.5	7.5	12
15	310849	28	Nguyễn Văn	Khoa	06/12/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Vật lí			5.75	5.75	44
16	310850	28	Bùi Bá Hoàng	Kiên	05/12/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghi, Xã Gia Lộc	Vật lí			3.75	3.75	90
1	310851	29	Nguyễn Trung	Kiên	04/02/2011	9A11	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Vật lí	Toán		2.5	2.5	112
2	310852	29	Bùi Thị Hồng	Lâm	26/10/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			4.25	4.25	77
3	310853	29	Đoàn Bảo	Lâm	13/10/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			0.75	0.75	124
4	310854	29	Lê Vũ Thiên	Lâm	04/01/2011	9A12	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Vật lí			4.25	4.25	77
5	310855	29	Nguyễn Đức	Lâm	05/04/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Vật lí			5.5	5.5	53
6	310856	29	Nguyễn Ngọc Hoàng	Lâm	16/03/2011	9K	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Vật lí			2	2	116
7	310857	29	Nguyễn Tùng	Lâm	29/01/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Vật lí			8	8	5
8	310858	29	Vũ Lê Tùng	Lâm	07/03/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			7.25	7.25	16
9	310859	29	Bùi Nguyễn Khánh	Linh	26/03/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			8.5	8.5	3
10	310860	29	Lê Nhật	Linh	16/02/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Vật lí			5.25	5.25	62
11	310861	29	Nguyễn Phương	Linh	21/03/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			5.5	5.5	53
12	310862	29	Nguyễn Thị Thảo	Linh	15/12/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Vật lí			5.5	5.5	53
13	310863	29	Chu Thành	Lộc	17/06/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			6.25	6.25	32
14	310864	29	Đoàn Huy	Long	27/01/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			3	3	105
15	310865	29	Nguyễn Hải	Long	29/4/2011	9A3	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Vật lí			3.25	3.25	97
16	310866	29	Hoàng Nguyễn Ngọc	Mai	09/11/2011	9	THCS ĐÔNG HẢI, Phường Đông Hải	Vật lí			3.75	3.75	90
1	310867	30	Nguyễn Văn	Mạnh	10/07/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Vật lí			6.25	6.25	32
2	310868	30	Vũ Huy	Mạnh	12/09/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Vật lí			7.5	7.5	12
3	310869	30	Doãn Hà	Mi	01/11/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Vật lí			6.5	6.5	27
4	310870	30	Đoàn Nguyễn Ái	Minh	01/08/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			4.5	4.5	71
5	310871	30	Nguyễn Đức	Minh	12/03/2011	9A	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Vật lí			4.25	4.25	77
6	310872	30	Nguyễn Tuấn	Minh	09/02/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Vật lí			9	9	2
7	310873	30	Trần Bảo	Minh	22/06/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			2.5	2.5	112

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
8	310874	30	Trần Nhật	Minh	11/03/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí	Toán		1.75	1.75	118
9	310875	30	Vũ Nhật	Minh	27/05/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Vật lí			6	6	36
10	310876	30	Bùi Đức Bảo	Nam	05/03/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Vật lí			7.5	7.5	12
11	310877	30	Hoàng Quang	Nam	10/01/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Vật lí			5.25	5.25	62
12	310878	30	Trịnh Hoàng	Nam	13/09/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			8	8	5
13	310879	30	Trần Phương	Nga	26/10/2011	9A12	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Vật lí			5.75	5.75	44
14	310880	30	Bùi Vũ Kim	Ngân	26/10/2011	9A	THCS Đoàn Kết, Xã Hải Hưng	Vật lí			4.5	4.5	71
15	310881	30	Hoàng Khánh	Ngọc	24/01/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			7.25	7.25	16
16	310882	30	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	01/08/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Vật lí			5.5	5.5	53
1	310883	31	Triệu Lê Bảo	Ngọc	27/02/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			3.25	3.25	97
2	310884	31	Hà Khôi	Nguyễn	05/08/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			5	5	66
3	310885	31	Nguyễn Ngọc Linh	Nhi	21/01/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí	Toán		0.5	0.5	125
4	310886	31	Đình Lê Nam	Phong	10/09/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí					Vắng
5	310887	31	Hà Thế	Phong	16/08/2011	9A	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Vật lí			4	4	84
6	310888	31	PHẠM HẢI	PHONG	09/06/2011	9A12	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Vật lí			5.5	5.5	53
7	310889	31	Bùi Nguyên	Phúc	17/09/2011	9D10	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Vật lí			7	7	19
8	310890	31	Nguyễn Đức	Phúc	15/10/2012	8E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			2.75	2.75	109
9	310891	31	Nguyễn Minh	Phúc	08/10/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			3.5	3.5	93
10	310892	31	Nguyễn Xuân	Phúc	16/10/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Vật lí			6.75	6.75	24
11	310893	31	Nguyễn Hùng	Phương	05/04/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghi, Xã Gia Lộc	Vật lí			5.75	5.75	44
12	310894	31	Nguyễn Thế	Quang	28/08/2011	9A8	THCS Hồng Bằng, Phường Hồng Bằng	Vật lí			7.75	7.75	9
13	310895	31	Hoàng Thái	Sơn	22/08/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Vật lí			4	4	84
14	310896	31	Tô Trung	Sơn	08/05/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Vật lí			7	7	19
15	310897	31	Phạm Văn Gia	Thái	04/11/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghi, Xã Gia Lộc	Vật lí			3.25	3.25	97
16	310898	31	Trần Quốc	Thái	29/07/2011	9A3	THCS VINSCHOOL IMPERIA, Phường Hồng Bằng	Vật lí			3.25	3.25	97
1	310899	32	Nguyễn Minh	Thành	08/12/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Vật lí			8	8	5
2	310900	32	Phạm Minh	Thành	28/01/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			7	7	19
3	310901	32	Tô Đức	Thành	24/02/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Vật lí					Vắng
4	310902	32	Trần Văn	Thành	09/08/2011	9B	THCS Quang Thành, Xã Nam An Phụ	Vật lí			3.75	3.75	90
5	310903	32	Bùi Văn	Toàn	15/10/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			5.5	5.5	53
6	310904	32	Nguyễn Đức	Toàn	13/11/2011	9A7	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Vật lí			4.5	4.5	71
7	310905	32	Trần Minh	Trí	12/09/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			6.5	6.5	27
8	310906	32	Lê Quốc	Trung	10/02/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Vật lí			5.75	5.75	44
9	310907	32	Đặng Ngọc Tấn	Trường	07/11/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			2.75	2.75	109
10	310908	32	Đào Công	Trường	03/06/2011	9B	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Vật lí			4.25	4.25	77

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
11	310909	32	Phan Minh	Tuấn	01/11/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Vật lí			6	6	36
12	310910	32	Hoàng Trọng	Tùng	12/07/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Vật lí			5.75	5.75	44
13	310911	32	Nguyễn Danh	Tùng	30/11/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Vật lí			6.75	6.75	24
14	310912	32	Nguyễn Quốc	Việt	11/11/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Vật lí			6	6	36
15	310913	32	Khương Đỗ Nguyên	Vũ	06/06/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			3	3	105
16	310914	32	Nguyễn Khánh	Vy	05/01/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			3.5	3.5	93
17	311049	32	Nguyễn Huy	Hùng	31/05/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí			7	7	19
1	310007	35	Nguyễn Minh	An	23/05/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		1	1	361
2	310033	35	Nguyễn Đức	Anh	06/11/2011	9A11	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Tiếng Anh	Toán		1.5	1.5	323
3	310049	35	Phan Đình Nhật	Anh	26/09/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		1	1	361
4	310061	35	Đặng Gia	Bảo	21/12/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		3	3	173
5	310062	35	Nguyễn Gia	Bảo	14/07/2011	9D	THCS Tân Kỳ, Xã Tân Kỳ	Tiếng Anh	Toán		2	2	260
6	310063	35	NGUYỄN GIA	BẢO	03/12/2011	9A12	THCS TRẦN PHÚ, Phường Lê Chân	Tiếng Anh	Toán		2	2	260
7	310065	35	Nguyễn Văn Minh	Bảo	10/10/2011	9A	THCS An Phương, Xã Hà Tây	Tiếng Anh	Toán		1.25	1.25	340
8	310076	35	Nguyễn Minh	Châu	29/11/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		0.25	0.25	404
9	310081	35	Trần Minh	Châu	01/08/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		0.25	0.25	404
10	310118	35	Lê Quyền	Đức	07/01/2011	9E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		3.25	3.25	162
11	310147	35	Nguyễn Trường	Giang	09/09/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh	Toán		3	3	173
12	310155	35	Bùi Nguyễn Khánh	Hà	24/06/2011	9A	THCS Hồng Lạc, Xã Hà Bắc	Tiếng Anh	Toán		1.5	1.5	323
13	310184	35	Vũ Đức	Hiếu	27/05/2011	9A9	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Tiếng Anh	Toán		2	2	260
14	310201	35	Lê Quang	Huy	25/08/2011	9A5	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Tiếng Anh	Toán				Vắng
15	310205	35	Vũ Gia	Huy	02/03/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		6.25	6.25	26
16	310224	35	Nguyễn Đăng Nam	Khánh	15/01/2012	8B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tiếng Anh	Toán		1	1	361
17	310256	35	Nguyễn Thị Hương	Lan	07/11/2011	9B	THCS Trần Phú, Phường Thành Đông	Tiếng Anh	Toán		1	1	361
18	310268	35	Lê Hà	Linh	27/06/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Tiếng Anh	Toán		2	2	260
19	310291	35	Trịnh Thị Phương	Linh	11/05/2011	9A	THCS Hồng Lạc, Xã Hà Bắc	Tiếng Anh	Toán		1.25	1.25	340
20	310341	35	Lê Vũ Hải	Nam	01/05/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		1	1	361
21	310369	35	Nguyễn Thanh Tuệ	Nhi	15/08/2012	8P	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		0	0	409
22	310379	35	Hoàng Thanh	Phong	14/10/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		0.25	0.25	404
23	310404	35	Tạ Đăng	Quân	02/10/2012	8I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		0	0	409
24	310406	35	Lương Văn Nhật	Quang	02/06/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Tiếng Anh	Toán		4	4	99
1	310418	36	Nguyễn Tuấn	Tài	04/06/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		1	1	361
2	310432	36	Vũ Văn	Thi	12/03/2011	9A	THCS Lạc Long, Xã Nam An Phú	Tiếng Anh	Toán		1.5	1.5	323
3	310464	36	Bùi Thảo	Vân	04/10/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Toán		5.25	5.25	53
4	310548	36	Phạm Thành	An	27/11/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		1	1	361

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
5	310579	36	Nguyễn Anh	Đức	05/10/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		0	0	409
6	310583	36	Lê Thế	Dũng	06/01/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		0	0	409
7	310633	36	Vũ Phương	Mai	15/01/2011	9B	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Hóa học	Toán		1	1	361
8	310674	36	Đoàn Minh	Thái	24/05/2012	8T	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		0	0	409
9	310678	36	Nguyễn Thu	Thảo	15/11/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		0	0	409
10	310683	36	Trần Phúc Minh	Tiến	11/01/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		3	3	173
11	310696	36	Tạ Thanh	Vân	06/11/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Hóa học	Toán		1.75	1.75	300
12	310838	36	Trịnh Thành	Hưng	21/04/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí	Toán		3	3	173
13	310851	36	Nguyễn Trung	Kiên	04/02/2011	9A11	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Vật lí	Toán		2	2	260
14	310874	36	Trần Nhật	Minh	11/03/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí	Toán		1.25	1.25	340
15	310885	36	Nguyễn Ngọc Linh	Nhi	21/01/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Vật lí	Toán		1	1	361
16	310915	36	Bùi Trần Thái	An	08/09/2011	9E	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3	3	173
17	310916	36	Hoàng Kim Duy	An	27/12/2011	9C	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			2.25	2.25	233
18	310917	36	Nguyễn Hải	An	06/04/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.75	0.75	391
19	310918	36	Nguyễn Quốc	An	19/03/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			5.75	5.75	38
20	310919	36	Nguyễn Văn	An	28/04/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			2	2	260
21	310920	36	Trần Quốc	Ân	18/01/2011	9A11	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Toán			2.25	2.25	233
22	310921	36	Bùi Nguyễn Quang	Anh	25/02/2011	9A	THCS Cô Dung, Xã Lai Khê	Toán			1.5	1.5	323
23	310922	36	Bùi Quỳnh	Anh	31/05/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			5.75	5.75	38
24	310923	36	Đình Đức	Anh	04/07/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			3.75	3.75	123
1	310924	37	Đỗ Hoàng	Anh	12/04/2012	8T	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
2	310925	37	Đỗ Ngọc	Anh	22/02/2011	9A2	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Toán			4.75	4.75	70
3	310926	37	Dương Tuấn	Anh	05/04/2011	9A5	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Toán			6.25	6.25	26
4	310927	37	Hà Đức	Anh	14/02/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Toán			2.25	2.25	233
5	310928	37	Hà Việt	Anh	14/04/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			2.25	2.25	233
6	310929	37	Lê Thị Hồng	Anh	01/07/2011	9A9	THCS Đặng Hải, Phường Hải An	Toán			4	4	99
7	310930	37	Lê Việt	Anh	25/03/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Toán			1.75	1.75	300
8	310931	37	Nguyễn Đức	Anh	14/01/2011	9A4	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			2.25	2.25	233
9	310932	37	Nguyễn Đức	Anh	16/02/2011	9A5	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			2	2	260
10	310933	37	Nguyễn Duy	Anh	27/06/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Toán			3.25	3.25	162
11	310934	37	Nguyễn Duy	Anh	24/08/2011	9M	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2	2	260
12	310935	37	Nguyễn Duy	Anh	02/01/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			6.5	6.5	22
13	310936	37	Nguyễn Hoàng Nhật	Anh	29/08/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
14	310937	37	Nguyễn Phương	Anh	31/01/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Toán			2	2	260
15	310938	37	Nguyễn Phương	Anh	11/04/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Toán			3.75	3.75	123

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
16	310939	37	Nguyễn Vũ Hoàng	Anh	16/02/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			6.75	6.75	16
17	310940	37	Ninh Nguyễn Hà	Anh	17/01/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Toán			1.75	1.75	300
18	310941	37	Phạm Quang	Anh	20/08/2011	9B	THCS Nguyễn Bình Khiêm, Xã Vĩnh Bảo	Toán			3	3	173
19	310942	37	Trần Đức	Anh	03/11/2011	9	THCS Lương Khánh Thiện, Phường Phù Liễn	Toán			4.25	4.25	87
20	310943	37	Trần Quốc	Anh	11/11/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Toán			1	1	361
21	310944	37	Trịnh Bảo	Anh	11/02/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			5	5	59
22	310945	37	Trương Ngọc	Anh	13/06/2011	9A4	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hồng Bàng	Toán			3.75	3.75	123
23	310946	37	Vũ Quỳnh	Anh	14/11/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Toán			3	3	173
24	310947	37	Đỗ Chí	Bách	03/01/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Toán			0.5	0.5	395
1	310948	38	Hoàng Gia	Bách	22/06/2011	9A7	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hồng Bàng	Toán			3	3	173
2	310949	38	Lê Hoàng	Bách	25/07/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			3.5	3.5	148
3	310950	38	Nguyễn Văn Hoàng	Bách	28/12/2011	9A7	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			3	3	173
4	310951	38	Nguyễn Việt	Bách	31/08/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3	3	173
5	310952	38	Nguyễn Vũ	Bách	11/08/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Toán			1.75	1.75	300
6	310953	38	Vũ Việt	Bách	14/04/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Toán			2.25	2.25	233
7	310954	38	Lương Gia	Bảo	10/12/2011	9A7	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Toán			2	2	260
8	310955	38	Phạm Gia	Bảo	31/07/2011	9A6	THCS Lê Chân, Phường An Biên	Toán			1.25	1.25	340
9	310956	38	Phạm Gia	Bảo	11/10/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Toán			4	4	99
10	310957	38	Phạm Gia	Bảo	11/03/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.25	1.25	340
11	310958	38	Vũ Xuân	Bảo	18/11/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Toán			5.25	5.25	53
12	310959	38	Đỗ Đức	Bình	07/06/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.5	0.5	395
13	310960	38	Đồng Hải	Bình	30/01/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Toán			3	3	173
14	310961	38	Trần Dương Phú	Bình	21/06/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			7	7	8
15	310962	38	Nguyễn Quý	Cảnh	06/06/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.75	0.75	391
16	310963	38	Lê Bảo	Châu	27/02/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Toán			3.75	3.75	123
17	310964	38	Đinh Ngọc Phương	Chi	05/10/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.75	1.75	300
18	310965	38	Trần Khánh	Chi	06/06/2011	9A1	THCS Quán Toan, Phường Hồng An	Toán			1.75	1.75	300
19	310966	38	Vương Đức	Chính	04/04/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Toán			5.75	5.75	38
20	310967	38	Đỗ Thế	Cường	08/05/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			3.75	3.75	123
21	310968	38	Lê Quốc	Cường	03/10/2011	9C	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Toán			2.75	2.75	198
22	310969	38	Nguyễn Đức Việt	Cường	14/01/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.5	0.5	395
23	310970	38	Nguyễn Xuân	Cường	14/03/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			3.5	3.5	148
24	310971	38	Nguyễn Mạnh	Đạt	27/02/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			9	9	1
1	310972	39	Nguyễn Quang	Đạt	26/02/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			6.75	6.75	16
2	310973	39	Nguyễn Tiến	Đạt	14/02/2011	9E	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.75	1.75	300

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
3	310974	39	Phạm Tiến	Đạt	23/11/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.75	2.75	198
4	310975	39	Trần Tuấn	Đạt	29/07/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Toán			2	2	260
5	310976	39	Vũ Tắt	Đạt	15/06/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Toán			2.25	2.25	233
6	310977	39	Vũ Tuấn	Đạt	07/12/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Toán			5.25	5.25	53
7	310978	39	Lưu	Điểm	07/12/2011	9A1	THCS Quán Toan, Phường Hồng An	Toán			2.75	2.75	198
8	310979	39	Đào Ngọc	Diệp	10/10/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2	2	260
9	310980	39	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	16/05/2011	9D4	THCS Tô Hiệu, Phường Lê Chân	Toán			4	4	99
10	310981	39	Tăng Mỹ	Diệp	15/03/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4.75	4.75	70
11	310982	39	Đoàn Ngọc	Đức	10/05/2012	8B9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			1.25	1.25	340
12	310983	39	Dương Minh	Đức	20/04/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Toán			4.25	4.25	87
13	310984	39	Lê Nguyễn Minh	Đức	10/11/2011	9D	THCS Nam Đồng, Phường Nam Đồng	Toán			1	1	361
14	310985	39	Nguyễn Anh	Đức	06/03/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Toán			3.5	3.5	148
15	310986	39	Nguyễn Minh	Đức	12/01/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			2.25	2.25	233
16	310987	39	Nguyễn Minh	Đức	25/07/2011	9A2	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			2	2	260
17	310988	39	Nguyễn Quang	Đức	28/02/2011	9A4	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			1.75	1.75	300
18	310989	39	Nguyễn Quý	Đức	31/10/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4.5	4.5	82
19	310990	39	Hà Thị Ngọc	Dung	13/07/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			4.25	4.25	87
20	310991	39	Bùi Mạnh	Dũng	15/05/2011	9C	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
21	310992	39	Đỗ Mạnh	Dũng	23/02/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.25	3.25	162
22	310993	39	Hoàng Đức	Dũng	28/01/2011	9A7	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			4.25	4.25	87
23	310994	39	Lê Hoàng	Dũng	12/07/2011	9A1	Trường THCS Quang Trung, Phường Ngô Quyền	Toán			1.75	1.75	300
24	310995	39	Nguyễn Đình Tuấn	Dũng	23/08/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.75	1.75	300
1	310996	40	Nguyễn Đức Tuấn	Dũng	13/12/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			6.75	6.75	16
2	310997	40	Phạm Tiến	Dũng	28/02/2011	9D	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Toán			3.25	3.25	162
3	310998	40	Phan Tiến	Dũng	18/02/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0	0	409
4	310999	40	Trần Anh	Dũng	23/07/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Toán			4	4	99
5	311000	40	Vũ Anh	Dũng	11/05/2011	9A6	THCS Lê Chân, Phường An Biên	Toán			2.25	2.25	233
6	311001	40	Đình Thùy	Dương	14/04/2011	9C	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			2	2	260
7	311002	40	Đỗ Anh	Dương	27/08/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.25	2.25	233
8	311003	40	Hoàng Văn Đại	Dương	11/02/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Toán			4	4	99
9	311004	40	Ngô Tùng	Dương	01/09/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Toán			3.5	3.5	148
10	311005	40	Nguyễn Tùng	Dương	18/06/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			2	2	260
11	311006	40	Nguyễn Tùng	Dương	27/11/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			2	2	260
12	311007	40	Phạm Tùng	Dương	18/07/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.5	1.5	323
13	311008	40	Trần Thái	Dương	14/03/2011	9	THCS Đằng Hải, Phường Hải An	Toán			3.5	3.5	148

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
14	311009	40	Vũ Lê Hải	Dương	16/08/2011	9A1	THCS Lương Khánh Thiện, Phường Phù Liên	Toán			3.75	3.75	123
15	311010	40	Nguyễn Khánh	Duy	31/10/2011	9D4	THCS Âm Dũng, Phường Hưng Đạo	Toán			4.25	4.25	87
16	311011	40	Tăng Thị Mỹ	Duyên	20/05/2011	9C	THCS Lai Vu, Xã Lai Khê	Toán			2.25	2.25	233
17	311012	40	Nguyễn Hoàng	Giang	03/03/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.75	3.75	123
18	311013	40	Nguyễn Trường	Giang	26/12/2011	9A	THCS Cổ Dũng, Xã Lai Khê	Toán			2.25	2.25	233
19	311014	40	Vũ Hà	Giang	05/09/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán					Vắng
20	311015	40	Ngô Xuân	Giáp	24/08/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Toán			2	2	260
21	311016	40	Hoàng Khánh	Hà	08/07/2011	9A	THCS Tân Trường, Xã Mao Điền	Toán			5	5	59
22	311017	40	Lê Mai	Hà	27/06/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.5	1.5	323
23	311018	40	Nguyễn Đức	Hà	02/03/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.75	2.75	198
24	311019	40	Nguyễn Ngọc	Hà	23/07/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Toán			4	4	99
1	311020	41	Nguyễn thị khánh	Hà	13/4/2011	9A15	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			2.75	2.75	198
2	311021	41	Vũ Huy	Hà	22/05/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			1	1	361
3	311022	41	Đỗ Nguyễn Minh	Hải	21/09/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Toán			3.75	3.75	123
4	311023	41	Lương Hoàng	Hải	14/04/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Toán			5.5	5.5	48
5	311024	41	Lương Hoàng	Hải	08/10/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Toán			3	3	173
6	311025	41	Ngô Mạnh	Hải	03/12/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			4	4	99
7	311026	41	Nguyễn Nam	Hải	29/08/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			7.5	7.5	6
8	311027	41	Nguyễn Trường	Hải	06/01/2011	9A4	THCS Đặng Hải, Phường Hải An	Toán			2.5	2.5	221
9	311028	41	Phạm Minh	Hải	06/04/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			6	6	29
10	311029	41	Phạm Minh	Hải	25/10/2011	9A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.25	2.25	233
11	311030	41	Phạm Quang	Hải	02/08/2011	9E	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.25	2.25	233
12	311031	41	Phạm Xuân Minh	Hải	22/09/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.25	2.25	233
13	311032	41	Vũ Mạnh	Hải	31/07/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Toán			2	2	260
14	311033	41	Nguyễn Minh	Hàng	04/05/2011	9D7	THCS Tô Hiệu, Phường Lê Chân	Toán			2.25	2.25	233
15	311034	41	Tô Minh	Hàng	16/05/2011	9A	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Toán			3.75	3.75	123
16	311035	41	Đoàn Minh	Hiển	20/08/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Toán			3.25	3.25	162
17	311036	41	Vũ Minh	Hiển	30/05/2011	9D	THCS Thị Trấn Núi Đồi, Xã Kiến Thụy	Toán			6	6	29
18	311037	41	Nguyễn Hữu	Hiệp	21/11/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			5.25	5.25	53
19	311038	41	Bùi Hữu	Hiếu	03/07/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Toán			3.5	3.5	148
20	311039	41	Đặng Đức	Hiếu	25/03/2011	9K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.25	2.25	233
21	311040	41	Đình Minh	Hiếu	26/06/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			2.5	2.5	221
22	311041	41	Hoàng Lê	Hiếu	14/10/2011	9A3	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			3.75	3.75	123
23	311042	41	Phạm Trung	Hiếu	26/06/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			3.75	3.75	123
24	311043	41	Tiêu Trung	Hiếu	06/08/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Toán			3.5	3.5	148

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
1	311044	42	Trương Kim	Hiếu	16/08/2011	9A2	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Toán			7	7	8
2	311045	42	Hoàng Ngọc	Hoan	20/09/2011	9A1	THCS Quang Trung, Phường Ngô Quyền	Toán			3	3	173
3	311046	42	Nguyễn Thế	Hoàng	27/10/2012	8D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0	0	409
4	311047	42	Bùi Minh	Hùng	29/06/2011	9A7	THCS Đồng Hòa, Phường Kiến An	Toán			2	2	260
5	311048	42	Lê Văn Tuấn	Hùng	13/04/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			4.75	4.75	70
6	311049	42	Nguyễn Huy	Hùng	31/05/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán					Vắng
7	311050	42	Nguyễn Việt	Hùng	13/08/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.75	3.75	123
8	311051	42	Phạm Minh	Hùng	28/05/2012	8P	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.25	0.25	404
9	311052	42	Trần Thế	Hùng	21/09/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Toán			1.75	1.75	300
10	311053	42	Đỗ Tuấn	Hưng	03/01/2011	9A3	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			2	2	260
11	311054	42	Lê Gia	Hưng	17/06/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3	3	173
12	311055	42	Nguyễn Minh	Hưng	12/01/2011	9D9	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			3	3	173
13	311056	42	Nguyễn Phú	Hưng	07/03/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			3.75	3.75	123
14	311057	42	Nguyễn Thành	Hưng	13/09/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			2.75	2.75	198
15	311058	42	Phạm Nguyên	Hưng	09/05/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Toán			7	7	8
16	311059	42	Phan Vũ	Hưng	22/11/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0	0	409
17	311060	42	Vũ Đức	Hưng	30/04/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			2.25	2.25	233
18	311061	42	Bùi Quang	Huy	28/02/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Toán			3.75	3.75	123
19	311062	42	Đình Đức	Huy	26/05/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.25	2.25	233
20	311063	42	Đình Gia	Huy	26/07/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			8	8	3
21	311064	42	Đỗ Tuấn	Huy	02/12/2011	9D	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2	2	260
22	311065	42	Đoàn Gia	Huy	30/11/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.75	1.75	300
23	311066	42	Lã Quang	Huy	22/08/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.75	3.75	123
24	311067	42	Lâm Gia	Huy	28/06/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			5	5	59
1	311068	43	Lê Quang	Huy	17/09/2011	9H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.25	1.25	340
2	311069	43	Lê Quang	Huy	23/02/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			5	5	59
3	311070	43	Nguyễn Bách	Huy	11/02/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Toán			4.25	4.25	87
4	311071	43	Nguyễn Đức	Huy	31/10/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Toán			3.75	3.75	123
5	311072	43	Nguyễn Gia	Huy	24/08/2011	9E	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.25	1.25	340
6	311073	43	Nguyễn Minh	Huy	15/08/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2	2	260
7	311074	43	Nguyễn Nhật	Huy	03/11/2011	9B	THCS-THPT Marie Curie,	Toán			1	1	361
8	311075	43	Phạm Gia	Huy	03/12/2011	9A5	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			1.75	1.75	300
9	311076	43	Phạm Hoàng	Huy	23/06/2011	9A11	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			6.25	6.25	26
10	311077	43	Trần Đức	Huy	23/09/2011	9A5	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			7	7	8
11	311078	43	Trần Gia	Huy	17/06/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			5.75	5.75	38

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
12	311079	43	Vũ Đức	Huy	07/03/2011	9A6	THCS Lê Chân, Phường An Biên	Toán			3.5	3.5	148
13	311080	43	Vũ Như	Huy	10/10/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Toán			6.5	6.5	22
14	311081	43	Đoàn Khánh	Huyền	09/5/2011	9D11	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			1.75	1.75	300
15	311082	43	Nguyễn Thu	Huyền	18/04/2011	9A	THCS Đoàn Kết, Xã Hải Hưng	Toán			1.25	1.25	340
16	311083	43	Đào Minh	Khang	17/10/2011	9A9	THCS Đặng Hải, Phường Hải An	Toán			5.75	5.75	38
17	311084	43	Hoàng Công	Khánh	27/08/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.75	3.75	123
18	311085	43	Nguyễn Duy	Khánh	09/04/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.75	0.75	391
19	311086	43	Nguyễn Nam	Khánh	27/11/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Toán			2	2	260
20	311087	43	Phạm Gia	Khánh	29/08/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			7.75	7.75	5
21	311088	43	Phạm Huy	Khánh	01/09/2011	9E	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Toán			0	0	409
22	311089	43	Phạm Phúc	Khánh	22/11/2012	8H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.25	1.25	340
23	311090	43	Trần Vũ Minh	Khánh	01/07/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			6	6	29
24	311091	43	Vũ Huy	Khánh	28/07/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Toán			1.75	1.75	300
1	311092	44	Đặng Anh	Khoa	14/01/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.25	3.25	162
2	311093	44	Đỗ Gia	Khoa	22/09/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Toán			5.5	5.5	48
3	311094	44	Bùi An Thiên	Khôi	07/08/2011	9A11	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			1.75	1.75	300
4	311095	44	Vũ Minh	Khôi	03/10/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Toán			6.5	6.5	22
5	311096	44	Dương Trung	Kiên	03/10/2011	9A2	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Toán			2	2	260
6	311097	44	Nguyễn Trung	Kiên	08/04/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3	3	173
7	311098	44	Nguyễn Trung	Kiên	17/06/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Toán			5	5	59
8	311099	44	Nguyễn Trung	Kiên	07/09/2011	9C	THCS Long Xuyên, Xã Bình Giang	Toán			3	3	173
9	311100	44	Nguyễn Trung	Kiên	05/06/2011	9A	PT Hermann Götter, Hải Phòng, Phường Đằng Hải	Toán			4	4	99
10	311101	44	Lê Anh	Kiệt	29/11/2011	9C	The Dewey School Hải Phòng, Phường Hải An	Toán			1.5	1.5	323
11	311102	44	Vũ Duy	Kỳ	19/04/2012	8T	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0	0	409
12	311103	44	Hoàng Tùng	Lâm	13/01/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.75	3.75	123
13	311104	44	Lê Quang	Lâm	31/08/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			3	3	173
14	311105	44	Nguyễn Hoàng	Lâm	12/02/2011	9A	THCS Hải Tân, Phường Tân Hưng	Toán			1.5	1.5	323
15	311106	44	Nguyễn Phúc	Lâm	05/09/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			3.25	3.25	162
16	311107	44	Phạm Tùng	Lâm	12/06/2011	9A6	THCS Ngô Quyền, Phường Lê Chân	Toán			4	4	99
17	311108	44	Phạm Xuân	Lâm	25/10/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
18	311109	44	Vũ Trần Bảo	Lâm	16/10/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			4.75	4.75	70
19	311110	44	Đoàn Đức	Lập	18/01/2011	9A8	THCS Đông Hải, Phường Đông Hải	Toán			3.75	3.75	123
20	311111	44	Đoàn Chính	Liên	28/02/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			6	6	29
21	311112	44	Vũ Phương	Liên	25/03/2011	9D4	THCS Chu Văn An, Phường Chu Văn An	Toán			3	3	173
22	311113	44	Mạch Thúy	Linh	18/05/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			2.75	2.75	198

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
23	311114	44	Nguyễn Phương	Linh	22/08/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Toán			5.5	5.5	48
24	311115	44	Nguyễn Tuệ	Linh	18/01/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.75	3.75	123
1	311116	45	Phạm Thảo	Linh	19/06/2011	9B	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Toán			4	4	99
2	311117	45	Trương Khánh	Linh	25/08/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			2	2	260
3	311118	45	Vũ Lê Ngọc	Linh	29/03/2012	8B9	TrườngTHCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			2.5	2.5	221
4	311119	45	Hoàng Thành	Lộc	18/03/2012	8H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.5	0.5	395
5	311120	45	Mai Thành	Long	14/09/2011	9E	THCS Thị trấn Gia Lộc, Xã Gia Lộc	Toán			1.75	1.75	300
6	311121	45	Nguyễn Bá Tùng	Long	22/07/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4.5	4.5	82
7	311122	45	Nguyễn Đoàn	Long	02/07/2012	8E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.25	1.25	340
8	311123	45	Nguyễn Gia	Long	31/01/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Toán			6	6	29
9	311124	45	Nguyễn Hải	Long	22/03/2011	9A7	THCS Lê Ích Mộc, Phường Thủy Nguyên	Toán			2	2	260
10	311125	45	Phạm Đức	Long	24/12/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2	2	260
11	311126	45	Vũ Hoàng	Long	09/09/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Toán			6	6	29
12	311127	45	Bùi Duy	Luân	09/01/2011	9C	THCS Lai Vu, Xã Lai Khê	Toán			2.75	2.75	198
13	311128	45	Trương Ngọc	Lương	06/06/2011	9B	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Toán			4	4	99
14	311129	45	Nguyễn Hà Phương	Ly	03/11/2011	9B	THCS Tứ Minh, Phường Tứ Minh	Toán			1	1	361
15	311130	45	Đỗ Thanh	Mai	06/04/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Toán			2.75	2.75	198
16	311131	45	Trần Xuân	Mạnh	03/06/2011	9A	THCS Thị trấn Gia Lộc, Xã Gia Lộc	Toán			2	2	260
17	311132	45	Vũ Văn	Mạnh	24/02/2011	9G	THCS Tứ Minh, Phường Tứ Minh	Toán			6	6	29
18	311133	45	Bùi Quang	Minh	14/11/2011	9E	THCS Vô Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.5	2.5	221
19	311134	45	Đặng Đức	Minh	19/10/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			5	5	59
20	311135	45	Đoàn Thanh	Minh	16/06/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			4.5	4.5	82
21	311136	45	Hoàng Vũ Quang	Minh	28/07/2011	9H	THCS Vô Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.75	2.75	198
22	311137	45	Lê Nhật	Minh	31/05/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
23	311138	45	Lê Phúc	Minh	30/01/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Toán			6.75	6.75	16
24	311139	45	Lê Tiến	Minh	04/02/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			4.75	4.75	70
1	311140	46	Nguyễn Công	Minh	17/05/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Toán			2	2	260
2	311141	46	Nguyễn Đăng	Minh	28/05/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			2.75	2.75	198
3	311142	46	Nguyễn Đăng Tuấn	Minh	13/09/2011	9M	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4	4	99
4	311143	46	Nguyễn Hải	Minh	21/07/2011	9A8	THCS Trương Công Định, Phường Lê Chân	Toán			5.75	5.75	38
5	311144	46	Nguyễn Nhật	Minh	28/01/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
6	311145	46	Nguyễn Quang	Minh	08/03/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Toán			3	3	173
7	311146	46	Nguyễn Tuấn	Minh	18/10/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.25	2.25	233
8	311147	46	Nguyễn Văn	Minh	30/03/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			4.25	4.25	87
9	311148	46	Nguyễn Vũ	Minh	11/03/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			6	6	29

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
10	311149	46	Nguyễn Vũ Tuấn	Minh	07/10/2011	9A2	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Toán			6.75	6.75	16
11	311150	46	PHẠM BÌNH	MINH	01/11/2011	9	THCS ĐÔNG HẢI, Phường Đông Hải	Toán			2	2	260
12	311151	46	Phạm Đăng	Minh	10/10/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			8.25	8.25	2
13	311152	46	Phạm Phú	Minh	28/10/2011	9A2	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Toán			4	4	99
14	311153	46	Phạm Tiến	Minh	09/03/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Toán			4.25	4.25	87
15	311154	46	Phan Quang	Minh	04/04/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4	4	99
16	311155	46	Phùng Nhật	Minh	16/04/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.5	0.5	395
17	311156	46	Trần Bảo	Minh	12/02/2011	9A	THCS Trần Hưng Đạo, Phường Hải An	Toán			1	1	361
18	311157	46	Trần Bình	Minh	11/10/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.75	2.75	198
19	311158	46	Trần Bình	Minh	10/09/2011	9D4	THCS Tô Hiệu, Phường Lê Chân	Toán			5.75	5.75	38
20	311159	46	Trần Quang	Minh	14/10/2011	9A1	THCS Quán Toan, Phường Hồng An	Toán			2.25	2.25	233
21	311160	46	Trần Tuấn	Minh	02/03/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.75	1.75	300
22	311161	46	Vũ Quý Quốc	Minh	01/08/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.75	1.75	300
23	311162	46	Lương Hoàng Hải	Nam	22/05/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			1	1	361
24	311163	46	PHAN HOÀNG	Nam	23/03/2011	9d4	Trường THCS TÔ HIỆU, Phường An Hải	Toán			1.25	1.25	340
1	311164	47	Vương Mạnh	Nam	19/11/2011	9A	THCS Thái Minh, Xã Đường An	Toán			4	4	99
2	311165	47	Đào Trung	Nghĩa	25/07/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Toán			4	4	99
3	311166	47	Nguyễn Trọng	Nghĩa	03/01/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.5	1.5	323
4	311167	47	Trần Tuấn	Nghĩa	21/02/2011	9H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
5	311168	47	Bùi Hạnh	Nguyên	11/03/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.25	3.25	162
6	311169	47	Mạc Hưng	Nguyên	17/03/2012	8C	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.5	0.5	395
7	311170	47	Nguyễn Thảo	Nguyên	30/07/2012	8B1	THCS Tràng Cát, Phường Hải An	Toán			1	1	361
8	311171	47	Phạm Gia	Nguyên	17/11/2011	9D9	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			2	2	260
9	311172	47	Vương Hoàng Trí	Nguyên	30/08/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4	4	99
10	311173	47	Trần Minh	Nguyệt	01/07/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Toán			2.75	2.75	198
11	311174	47	Nguyễn Minh	Nhân	8/2/2011	9A	THCS Hermann Gmeiner, Phường Đông Hải	Toán			5.75	5.75	38
12	311175	47	Nguyễn Minh	Nhật	16/05/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Toán			1.75	1.75	300
13	311176	47	Phùng Nhật	Quang	14/0/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Hải An	Toán			3.75	3.75	123
14	311177	47	Lê Uyên	Nhi	02/10/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4.75	4.75	70
15	311178	47	Nguyễn Hồng Phương	Nhi	26/01/2011	9A5	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Toán			4.75	4.75	70
16	311179	47	Vũ Hạo	Nhiên	06/07/2011	9B9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			2.75	2.75	198
17	311180	47	Cao Đông	Phong	30/09/2011	9C	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.5	1.5	323
18	311181	47	Dương Phạm Minh	Phong	02/03/2011	9A9	THCS TRẦN PHÚ, Phường Lê Chân	Toán			6.75	6.75	16
19	311182	47	Hoàng Vi	Phong	02/10/2011	9B	THCS-THPT Marie Curie,	Toán			1	1	361
20	311183	47	Kiều Hải	Phong	06/04/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Toán			1.5	1.5	323

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
21	311184	47	Lê Anh	Phong	29/09/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Toán			7	7	8
22	311185	47	Nguyễn Du	Phong	07/02/2011	9D11	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			1.25	1.25	340
23	311186	47	Nguyễn Hải	Phong	10/05/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			5.25	5.25	53
24	311187	47	Trần Đình	Phong	18/04/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2	2	260
1	311188	48	Trần Thanh	Phong	09/08/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Toán			2.25	2.25	233
2	311189	48	Nguyễn Gia	Phú	30/09/2011	9A1	THCS Quảng Trung, Phường Ngô Quyền	Toán			2	2	260
3	311190	48	Đặng Việt	Phúc	08/08/2011	9A	THCS Thị trấn Gia Lộc, Xã Gia Lộc	Toán			1	1	361
4	311191	48	Đặng Vũ	Phúc	24/06/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Toán			5	5	59
5	311192	48	Đoàn Hồng	Phúc	10/10/2011	9C	THCS Tam Kỳ, Xã Kim Thành	Toán					Vắng
6	311193	48	Lưu Ngọc Danh	Phúc	22/10/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Toán			4.75	4.75	70
7	311194	48	Nguyễn Chung Gia	Phúc	26/05/2011	9D	THCS Thị trấn Núi Đồi, Xã Kiến Thụy	Toán			3.5	3.5	148
8	311195	48	Nguyễn Trường	Phúc	28/01/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			5.25	5.25	53
9	311196	48	Phạm Văn Gia	Phúc	04/12/2011	9A6	Trường THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			1.5	1.5	323
10	311197	48	Trần Đức	Phúc	02/11/2011	9A5	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Toán			4.5	4.5	82
11	311198	48	Trần Gia	Phúc	14/08/2011	9B	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Toán			2	2	260
12	311199	48	Trương Hồng	Phúc	21/04/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.75	3.75	123
13	311200	48	Đào Bình	Phương	07/06/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			4.25	4.25	87
14	311201	48	Nguyễn Hà	Phương	10/04/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.5	1.5	323
15	311202	48	Nguyễn Hà	Phương	30/11/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Toán			0.25	0.25	404
16	311203	48	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	24/03/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.5	2.5	221
17	311204	48	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	21/02/2011	9A1	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia,	Toán			2.75	2.75	198
18	311205	48	Nguyễn Thị Thảo	Phương	17/10/2011	9C	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			3	3	173
19	311206	48	Nguyễn Việt	Phương	09/11/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Toán			1.5	1.5	323
20	311207	48	Vũ Thu	Phương	12/06/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			2.5	2.5	221
21	311208	48	Vũ Trọng	Phương	08/03/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2	2	260
22	311209	48	Chu Hoàng	Quân	11/04/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4	4	99
23	311210	48	Hoàng Mạnh	Quân	26/07/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.25	2.25	233
24	311211	48	Lê Hoàng	Quân	11/12/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4	4	99
1	311212	49	Nguyễn Danh Minh	Quân	15/09/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Toán			1.75	1.75	300
2	311213	49	Nguyễn Minh	Quân	14/06/2011	9D4	THCS Tô Hiệu, Phường Lê Chân	Toán			4.25	4.25	87
3	311214	49	Nguyễn Vĩnh	Quân	26/10/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.25	1.25	340
4	311215	49	Phạm Mạnh	Quân	24/03/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
5	311216	49	Phạm Quý	Quân	01/07/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			7	7	8
6	311217	49	Đỗ Minh	Quang	20/04/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.75	2.75	198
7	311218	49	Nguyễn Minh	Quang	10/03/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Toán			3.5	3.5	148

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
8	311219	49	Phạm Minh	Quang	17/01/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Toán			8	8	3
9	311220	49	Trịnh Vinh	Quang	22/02/2011	9A3	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			1.25	1.25	340
10	311221	49	Hoàng Đình	Quyết	09/08/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Toán			1.25	1.25	340
11	311222	49	Đào An	Quỳnh	14/01/2011	9H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.5	3.5	148
12	311223	49	Phạm Thúy	Quỳnh	17/08/2011	9D1	THCS đại đồng-đông phương ,Xã kiến minh	Toán			0.75	0.75	391
13	311224	49	Hà Bảo	Son	07/01/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			3.5	3.5	148
14	311225	49	Ngô Bảo	Son	24/01/2011	9A8	THCS Đà Nẵng ,Phường Ngô Quyền	Toán			1.5	1.5	323
15	311226	49	Nguyễn Hải	Son	11/07/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			7	7	8
16	311227	49	Phạm Văn Bảo	Son	07/01/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Toán			2.75	2.75	198
17	311228	49	Trần Bảo	Son	11/09/2011	9A1	THCS Quán Toan, Phường Hồng An	Toán			2.5	2.5	221
18	311229	49	Vũ Hải	Son	06/03/2011	9C	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.25	1.25	340
19	311230	49	Tạ Sinh	Tài	23/01/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.5	0.5	395
20	311231	49	Trịnh Đức Anh	Thái	11/05/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Toán			5.5	5.5	48
21	311232	49	Đặng Đức	Thắng	17/04/2011	9A7	THCS Đồng Hoà,Phường Kiến An	Toán			4	4	99
22	311233	49	Dương Việt	Thắng	28/10/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			0.5	0.5	395
23	311234	49	Vũ Đình	Thắng	24/12/2011	9D7	THCS Tô Hiệu,Phường Lê Chân	Toán			2.75	2.75	198
24	311235	49	Nguyễn Nhật	Thanh	09/6/2011	9D4	THCS Tô Hiệu,Phường Lê Chân	Toán			4.75	4.75	70
1	311236	50	Nguyễn Phú	Thanh	01/02/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.75	1.75	300
2	311237	50	Đỗ Hoa	Thành	03/03/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			1.25	1.25	340
3	311238	50	Nguyễn Hải	Thành	22/12/2011	9	THCS Trần Phú,Phường Lê Chân	Toán			7	7	8
4	311239	50	Nguyễn Tân	Thành	20/10/2011	9A12	THCS Trần Phú,Phường Lê Chân	Toán			2.5	2.5	221
5	311240	50	Phạm Xuân	Thành	03/06/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Toán			2.5	2.5	221
6	311241	50	Trần Tiến	Thành	11/06/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			4.75	4.75	70
7	311242	50	Bùi Phương	Thảo	17/08/2011	9	THCS Lê Lợi, Phường Lê Lợi	Toán			3.75	3.75	123
8	311243	50	Chữ Thị Thanh	Thảo	18/01/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			2.5	2.5	221
9	311244	50	Nguyễn Hương	Thảo	13/07/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Toán			5	5	59
10	311245	50	Phạm Thị Thanh	Thảo	04/10/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Toán			5.75	5.75	38
11	311246	50	Lê Quang	Thịnh	16/03/2011	9D6	THCS Nam Sơn,Phường An Dương	Toán			2	2	260
12	311247	50	Nguyễn Duy	Thịnh	30/08/2011	9D11	THCS Chu Văn An,Phường An Viên	Toán			0.5	0.5	395
13	311248	50	Vũ Phúc	Thịnh	24/11/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Toán			2.25	2.25	233
14	311249	50	Vũ Thùy Minh	Thư	20/05/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4	4	99
15	311250	50	Trần Phạm Đình	Thưởng	30/01/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.25	1.25	340
16	311251	50	Nguyễn Thanh	Thúy	28/05/2011	9A5	THCS Nguyễn Bá Ngọc,Phường An Biên	Toán			2	2	260
17	311252	50	Đàm Gia	Tiến	08/12/2011	9D	THCS Thị trấn Gia Lộc, Xã Gia Lộc	Toán			1	1	361
18	311253	50	Ngô Minh	Tiến	17/05/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3.25	3.25	162

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
19	311254	50	Nguyễn Khánh	Toàn	16/03/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			4.25	4.25	87
20	311255	50	Phạm Đức	Toàn	22/03/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			4.75	4.75	70
21	311256	50	Đặng Thùy	Trang	13/04/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			3	3	173
22	311257	50	Nguyễn Huyền	Trang	24/03/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			5.5	5.5	48
23	311258	50	Trần Thị Thu	Trang	26/10/2011	9A12	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			2	2	260
24	311259	50	Dương Minh	Trí	07/10/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			3.5	3.5	148
1	311260	51	Hoàng Minh	Trí	19/01/2011	9D8	THCS Chu Văn An, Phường Gia Viên	Toán			5	5	59
2	311261	51	Vũ Xuân Minh	Trí	18/08/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			2.25	2.25	233
3	311262	51	Nguyễn Bá Khánh	Trình	06/09/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			3.25	3.25	162
4	311263	51	Đỗ Đức	Trung	14/05/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			3.75	3.75	123
5	311264	51	Lê Quang	Trung	27/09/2011	9D	THCS Tiên Tiến, Phường Nam Đồng	Toán			6.5	6.5	22
6	311265	51	Phạm Việt	Trung	03/01/2012	8C	THCS Lê Thanh Nghi, Xã Gia Lộc	Toán			5	5	59
7	311266	51	Lê Minh	Trường	22/08/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			1.5	1.5	323
8	311267	51	Nghiêm Đình	Tú	29/07/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Toán			4	4	99
9	311268	51	Vũ Minh	Tú	17/06/2011	9A9	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Toán			2	2	260
10	311269	51	Lê Anh	Tuấn	19/10/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			4	4	99
11	311270	51	Nguyễn Trần Thái	Tuấn	11/09/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			2.5	2.5	221
12	311271	51	Nguyễn Minh	Tuệ	04/04/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			3.25	3.25	162
13	311272	51	Bùi Đức	Tùng	29/05/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Toán			4.25	4.25	87
14	311273	51	Đặng Danh	Tùng	13/08/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			2.75	2.75	198
15	311274	51	Lê Sơn	Tùng	04/10/2011	9D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			2.25	2.25	233
16	311275	51	Nguyễn Duy	Tùng	16/10/2011	9A10	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			3.5	3.5	148
17	311276	51	Nguyễn Thế	Tùng	04/07/2011	9H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			3	3	173
18	311277	51	Phạm Đức	Tùng	17/10/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			1.25	1.25	340
19	311278	51	Phạm Sơn	Tùng	26/08/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Toán			5.75	5.75	38
20	311279	51	Tạ Thanh	Tùng	02/07/2011	9B	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Toán			2.75	2.75	198
21	311280	51	Tổng Thanh	Tùng	06/10/2011	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Toán			7.25	7.25	7
22	311281	51	Vũ Đình	Tùng	19/08/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Toán			2.5	2.5	221
23	311282	51	Vũ Văn Song	Tùng	28/07/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			2.25	2.25	233
24	311283	51	Đặng Gia	Uy	24/12/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghi	Toán			6	6	29
1	311284	52	Cao Tường	Vân	21/12/2011	9G	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Toán			3	3	173
2	311285	52	Nguyễn Tiến	Vân	25/11/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Toán			2.75	2.75	198
3	311286	52	Nguyễn Hoàng	Việt	10/05/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Toán			4.5	4.5	82
4	311287	52	Nguyễn Khôi	Việt	18/09/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Toán			2	2	260
5	311288	52	Nguyễn Thái	Việt	20/08/2011	9D12	THCS Văn An, phường Gia Viên	Toán			3.75	3.75	123

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
6	311289	52	Bùi Quang	Vinh	23/08/2011	9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Toán			1.25	1.25	340
7	311290	52	Lê Chu	Vinh	14/10/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Toán					Vắng
8	311291	52	Bùi Lâm	Vũ	16/08/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Toán			2.75	2.75	198
9	311292	52	Đỗ Anh	Vũ	26/02/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Phù Liên	Toán			2.75	2.75	198
10	311293	52	Hoàng Anh	Vũ	04/03/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			4.75	4.75	70
11	311294	52	Nguyễn Anh	Vũ	07/04/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			3	3	173
12	311295	52	Nguyễn Nam	Vũ	04/05/2011	9A6	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Toán			5	5	59
13	311296	52	Nguyễn Hà	Vy	23/05/2011	9N	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
14	311297	52	Trần Tường	Vy	24/11/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1.5	1.5	323
15	311298	52	Hà Nhật	Vỹ	18/11/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Toán			1	1	361
16	311299	52	Lê Thị Hải	Yến	14/06/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Toán			1.75	1.75	300
17	311662	52	Tiêu Minh	Thành	18/05/2012	8D	THCS Nguyễn Trãi, Nam Sách	Toán			2	2	260
18	310303	52	Nguyễn Bùi Nhật	Mai	19/01/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Toán			3	3	173
1	310092	52	Nguyễn Linh	Chi	15/06/2011	9D	THCS Tiên Tiến, Phường Nam Đồng	Tiếng Anh	Ngữ văn		5	5	136
2	310145	52	Nguyễn Hương	Giang	03/12/2011	9B	THCS Nam Đồng, Phường Nam Đồng	Tiếng Anh	Ngữ văn		5.25	5.25	125
3	310187	52	Vũ Phương	Hoa	20/07/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		6	6	63
4	310288	52	Trần Gia	Linh	27/03/2011	9C	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Ngữ văn		3.5	3.5	165
5	310452	52	Hoàng Đặng Bảo	Trinh	13/01/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	7	10
6	310466	52	Hoàng Mai Thanh	Vân	08/07/2011	9C	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tiếng Anh	Ngữ văn		5.75	5.75	83
7	310715	52	Phạm Nguyệt	Ánh	18/04/2011	9B	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Lịch sử	Ngữ văn		3.25	3.25	168
8	311300	52	Bùi Thảo	An	19/11/2011	9A	THCS Thanh Khê, Xã Thanh Hà	Ngữ văn			5.5	5.5	104
9	311301	52	Đỗ Thúy	An	09/08/2011	9A9	THCS Đặng Hải, Phường Hải An	Ngữ văn			5.5	5.5	104
10	311302	52	Hà Nguyên Phúc	An	28/01/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6	6	63
11	311303	52	Đàm Diệp	Anh	23/12/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			6.25	6.25	47
12	311304	52	Đỗ Phương	Anh	27/06/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			6.5	6.5	34
13	311660	52	Nguyễn Quỳnh	Anh		8	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6	6	63
1	311305	53	Đông Hoàng Như	Anh	16/01/2011	9M	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn					Vắng
2	311306	53	Đông Thị Hải	Anh	16/07/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Ngữ văn			5.5	5.5	104
3	311307	53	Ngô Minh	Anh	21/05/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.5	5.5	104
4	311308	53	Nguyễn Đặng Kim	Anh	18/03/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Ngữ văn			6	6	63
5	311309	53	Nguyễn Hà	Anh	25/09/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			4.25	4.25	163
6	311310	53	Nguyễn Huỳnh Châu	Anh	24/08/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			7.5	7.5	2
7	311311	53	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	24/10/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			7.25	7.25	4
8	311312	53	Phạm Hà	Anh	06/10/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			7	7	10
9	311313	53	Phạm Trâm	Anh	06/01/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Ngữ văn			7	7	10

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
10	311314	53	Phùng Quỳnh	Anh	11/04/2011	9A	THCS Đức Chính, Xã Tuệ Tĩnh	Ngữ văn			6.75	6.75	21
11	311315	53	Trần Thị Phương	Anh	05/08/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Ngữ văn			7	7	10
12	311316	53	Vũ Bảo	Anh	07/11/2011	9A6	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Ngữ Văn			6.5	6.5	34
13	311317	53	Vũ Nguyễn Quỳnh	Anh	29/01/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.75	6.75	21
14	311318	53	Vũ Thị Quỳnh	Anh	07/06/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			6.75	6.75	21
15	311319	53	Đào Thị Ngọc	Ánh	31/01/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Ngữ văn			7.25	7.25	4
16	311320	53	Trần Ngọc	Ánh	10/05/2012	8A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Ngữ văn			5.75	5.75	83
17	311321	53	Đỗ Bảo	Bảo	07/06/2011	9D	THCS Thị Trấn Núi Đồi, Xã Kiến Thụy	Ngữ văn			5.5	5.5	104
18	311322	53	Đỗ Bảo	Châu	11/08/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn					Vắng
19	311323	53	Ngô Bảo	Châu	26/05/2011	9A	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Ngữ văn			5.75	5.75	83
20	311324	53	Nguyễn Minh	Châu	01/06/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn					Vắng
21	311325	53	Đoàn Phương	Chi	31/10/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			4.5	4.5	155
22	311326	53	Nguyễn Ngọc Khánh	Chi	05/05/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Ngữ văn			6	6	63
23	311327	53	Nguyễn Quỳnh	Chi	30/04/2011	9C	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Ngữ văn			6.75	6.75	21
24	311328	53	Phạm Phương	Chi	20/03/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Ngữ văn			5	5	136
1	311329	54	Vũ Thảo	Chi	09/03/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			5.5	5.5	104
2	311330	54	Nguyễn Khánh	Đạt	03/02/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Ngữ văn			5.75	5.75	83
3	311331	54	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	13/01/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6	6	63
4	311332	54	Phạm Ngọc	Diệp	03/08/2011	9B	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Ngữ văn			6.5	6.5	34
5	311333	54	Phạm Trần Ngọc	Diệp	19/08/2011	9D	THCS Tiên Tiến, Phường Nam Đông	Ngữ văn			7	7	10
6	311334	54	Phạm Minh	Đức	09/01/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Ngữ văn			6.25	6.25	47
7	311335	54	Hà Thuý	Dương	16/09/2011	9A5	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Ngữ văn			6.75	6.75	21
8	311336	54	Mai Thùy	Dương	17/10/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			6.25	6.25	47
9	311337	54	Nguyễn Bạch	Dương	18/05/2011	9A11	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Ngữ văn			6	6	63
10	311338	54	Phạm Ánh	Dương	24/06/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.75	5.75	83
11	311339	54	Phạm Thùy	Dương	21/11/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.25	6.25	47
12	311340	54	Đào Hương	Giang	22/04/2011	9A1	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Ngữ văn			5.25	5.25	125
13	311341	54	Lê Vũ Hương	Giang	30/08/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.75	5.75	83
14	311342	54	Nguyễn Hương	Giang	02/10/2011	9B	THCS Cửu Vĩ An, Phường Trần Hưng Đạo	Ngữ văn			7.5	7.5	2
15	311343	54	Nguyễn Hương	Giang	27/10/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Ngữ văn			6.75	6.75	21
16	311344	54	Vũ Hương	Giang	14/07/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			7	7	10
17	311345	54	Vũ Hương	Giang	11/11/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			5	5	136
18	311346	54	Đinh Ngân	Hà	01/09/2011	9A	THCS Thanh Khê, Xã Thanh Hà	Ngữ văn			5	5	136
19	311347	54	Mai Nhật	Hà	21/05/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.5	6.5	34
20	311348	54	Phạm Ngọc	Hà	08/05/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6	6	63

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
21	311349	54	Nguyễn Ngọc Minh	Hải	03/08/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.75	5.75	83
22	311350	54	Bùi Phạm Bảo	Hân	06/06/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			4.75	4.75	154
23	311351	54	Đình Bảo	Hân	16/08/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.75	5.75	83
24	311352	54	Đình Gia	Hân	03/09/2012	8G	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.25	5.25	125
1	311353	55	Nguyễn Bảo	Hân	12/12/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			3.25	3.25	168
2	311354	55	Vũ Ngọc Bảo	Hân	19/11/2011	9A3	THCS Đồng Thái, Phường An Hải	Ngữ văn			5.75	5.75	83
3	311355	55	Vũ Thiên	Hân	21/11/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			6.25	6.25	47
4	311356	55	Lê Thị Thanh	Hàng	16/09/2011	9B	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Ngữ văn			6.5	6.5	34
5	311357	55	Nguyễn Thu	Hàng	18/08/2012	8K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5	5	136
6	311358	55	Trần Thị	Hiền	27/01/2011	9B	THCS Cẩm Vũ, Xã Tuệ Tĩnh	Ngữ văn			5.75	5.75	83
7	311359	55	Nguyễn Mai	Hoà	20/02/2011	9A	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			6.25	6.25	47
8	311360	55	Nguyễn Mỹ	Hoà	01/09/2011	9K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.75	5.75	83
9	311361	55	Bùi Thị Thu	Hòa	13/07/2011	9E	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6	6	63
10	311362	55	Nghiêm Thu	Hương	15/01/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			7.25	7.25	4
11	311363	55	Phạm Vũ Quỳnh	Hương	11/03/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5	5	136
12	311364	55	Tạ Quỳnh	Hương	19/07/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5	5	136
13	311365	55	Trần Thị Mai	Hương	19/07/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.25	6.25	47
14	311366	55	Nguyễn Minh	Huyền	04/07/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Ngữ văn			7.25	7.25	4
15	311367	55	Trần Thu	Huyền	06/01/2011	9A	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Ngữ văn			5.75	5.75	83
16	311368	55	Nguyễn Vũ Ngọc	Khánh	05/05/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Ngữ văn			5.5	5.5	104
1	311369	56	Bùi Nguyễn Lam	Khuê	15/09/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			6.25	6.25	47
2	311370	56	Nguyễn Trung	Kiên	04/06/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Ngữ văn			5.5	5.5	104
3	311371	56	Vũ Ngọc	Lam	03/04/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Ngữ văn			6.5	6.5	34
4	311372	56	Vũ Nguyễn Bảo	Lam	01/07/2012	8P	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.25	6.25	47
5	311373	56	Đào Tuệ	Lâm	24/02/2011	9H	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Ngữ văn			6.5	6.5	34
6	311374	56	Hoàng Mai	Lâm	06/01/2011	9C	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5	5	136
7	311375	56	Phạm Thị Tú	Lâm	30/10/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.5	5.5	104
8	311376	56	Vũ Tuệ	Lâm	21/01/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.5	6.5	34
9	311377	56	Bùi Bảo	Linh	31/12/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			7.25	7.25	4
10	311378	56	Bùi Hà	Linh	28/05/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			5	5	136
11	311379	56	Cao Hà	Linh	09/05/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.5	5.5	104
12	311380	56	Đặng Thị Huyền	Linh	24/09/2011	9A12	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			6	6	63
13	311381	56	Hoàng Gia	Linh	24/04/2011	9B	THCS Thanh Xuân, Xã Hà Nam	Ngữ văn			7	7	10
14	311382	56	Lê Gia	Linh	10/03/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			7	7	10
15	311383	56	Mạc Nguyễn Mai	Linh	06/08/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			7	7	10

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
16	311384	56	Nguyễn Diệu	Linh	10/02/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			7.75	7.75	1
1	311385	57	Nguyễn Hà	Linh	02/01/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			5.5	5.5	104
2	311386	57	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	10/04/2012	8B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Ngữ văn			5	5	136
3	311387	57	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	26/01/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Ngữ văn			6.25	6.25	47
4	311388	57	Nguyễn Phương	Linh	02/03/2012	8B	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			4.5	4.5	155
5	311389	57	Nguyễn Vũ Hà	Linh	23/02/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.5	6.5	34
6	311390	57	Phạm Hà	Linh	30/07/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.25	6.25	47
7	311391	57	Phạm Khánh	Linh	08/10/2011	9C	THCS Lê Lợi, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6	6	63
8	311392	57	Trịnh Phương	Linh	12/10/2011	9A1	THCS-THPT FPT,	Ngữ văn			5.75	5.75	83
9	311393	57	Vũ Khánh	Linh	02/01/2011	9B	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Ngữ văn			6.25	6.25	47
10	311394	57	Vũ Thùy	Linh	25/10/2011	9B	THCS Lê Lợi, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.25	5.25	125
11	311395	57	Chu Phương	Mai	07/07/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Ngữ văn			6.75	6.75	21
12	311396	57	Nguyễn Bông	Mai	22/03/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			6	6	63
13	311397	57	Nguyễn Thanh	Mai	17/11/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Ngữ văn			6	6	63
14	311398	57	Lã Tiến	Minh	08/11/2011	9E	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Ngữ văn			6	6	63
15	311399	57	Nguyễn Ngọc	Minh	16/11/2011	9A	THCS Trần Hưng Đạo, Phường Hải Dương	Ngữ văn			6.25	6.25	47
16	311400	57	Trần Ngọc	Minh	29/12/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			6	6	63
1	311401	58	Nguyễn Hà	My	19/04/2011	9D	THCS Thị Trấn Núi Đồi, Xã Kiến Thụy	Ngữ văn			5.5	5.5	104
2	311402	58	Nguyễn Thanh Thảo	My	23/11/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Ngữ văn			5.75	5.75	83
3	311403	58	Nguyễn Phương	Nga	16/04/2011	9K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.5	6.5	34
4	311404	58	Bạch Thị Kim	Ngân	26/09/2011	9A1	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Ngữ văn			6.5	6.5	34
5	311405	58	Nguyễn Kim	Ngân	15/03/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			7.25	7.25	4
6	311406	58	Nguyễn Kim	Ngân	09/11/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.75	6.75	21
7	311407	58	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/06/2011	9H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			7	7	10
8	311408	58	Bùi Khánh	Ngọc	12/01/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.75	6.75	21
9	311409	58	Dương Bảo	Ngọc	21/11/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Ngữ văn			6.25	6.25	47
10	311410	58	Nguyễn Minh	Ngọc	20/10/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6	6	63
11	311411	58	Phạm Bảo	Ngọc	11/03/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			4	4	164
12	311412	58	Vũ Bảo	Ngọc	21/04/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.5	5.5	104
13	311413	58	Vũ Nguyễn Khánh	Ngọc	21/06/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.75	5.75	83
14	311414	58	Vũ Nguyễn Minh	Ngọc	30/03/2011	9D	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Ngữ văn			5.5	5.5	104
15	311415	58	Phạm Khôi	Nguyễn	10/04/2012	8A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			3.5	3.5	165
16	311416	58	Phạm Bảo	Nhi	22/05/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Ngữ văn			6.25	6.25	47
1	311417	59	Đổng Diệp	Như	22/07/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			5.25	5.25	125
2	311418	59	Nguyễn Hà Kiều	Oanh	05/04/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.5	6.5	34

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
3	311419	59	Nguyễn Kiều	Oanh	30/09/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			6.75	6.75	21
4	311420	59	Vũ Ngọc Hồng	Phúc	20/03/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Ngữ văn			4.5	4.5	155
5	311421	59	Bùi Hạnh	Phương	25/03/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.75	6.75	21
6	311422	59	Đặng Mai	Phương	10/03/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Ngữ văn			6	6	63
7	311423	59	Hoàng Thị Minh	Phương	30/11/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Ngữ văn			5.25	5.25	125
8	311424	59	Lê Minh	Phương	17/05/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			4.5	4.5	155
9	311425	59	Ngô Lan	Phương	19/02/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.75	6.75	21
10	311426	59	Nguyễn Hà	Phương	06/05/2011	9A8	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			5	5	136
11	311427	59	Phạm Minh Hà	Phương	10/02/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			6.75	6.75	21
12	311428	59	Trần Minh	Phương	14/01/2011	9D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.5	5.5	104
13	311429	59	Nguyễn Ngọc Hương	Quyên	21/09/2011	9D	THCS Lê Trọng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5.75	5.75	83
14	311430	59	Vũ Như	Quyên	20/08/2011	9A3	THCS-THPT FPT,	Ngữ văn			5.25	5.25	125
15	311431	59	Nguyễn Vũ Ánh	Sao	17/02/2011	9A5	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Ngữ văn			4.5	4.5	155
16	311432	59	Vũ Thành	Tâm	05/03/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Ngữ văn			5.75	5.75	83
1	311433	60	Nguyễn Hữu Quốc	Thái	30/03/2011	9D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5	5	136
2	311434	60	Nguyễn Phương	Thảo	06/01/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Ngữ văn			5	5	136
3	311435	60	Nguyễn Phương	Thảo	12/05/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Ngữ văn			6.25	6.25	47
4	311436	60	Vương Vũ Diệu	Thảo	27/04/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Ngữ văn			5.25	5.25	125
5	311437	60	Trương Thị Hoài	Thu	21/04/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Ngữ văn			5.5	5.5	104
6	311438	60	Nguyễn Anh	Thư	03/03/2011	9A	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5	5	136
7	311439	60	Nguyễn Anh	Thư	18/04/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Ngữ văn			5.5	5.5	104
8	311440	60	Nguyễn Lưu Anh	Thư	28/10/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Ngữ văn			5.75	5.75	83
9	311441	60	Trần Anh	Thư	22/04/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			4.5	4.5	155
10	311442	60	Phạm Đan	Thy	02/04/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Ngữ văn			7	7	10
11	311443	60	Lê Thị Bảo	Trâm	17/07/2011	9M	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5	5	136
12	311444	60	Bùi Thị Mai	Trang	04/11/2011	9B	THCS Hồng Lạc, Xã Hà Bắc	Ngữ văn			6	6	63
13	311445	60	Hoàng Yến	Trang	25/10/2011	9C	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5	5	136
14	311446	60	Nguyễn Hà	Trang	22/01/2011	9A7	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Ngữ văn			5.25	5.25	125
15	311447	60	Phạm Nguyễn Mai	Trang	9/8/2011	9A2	THCS Vĩnh Sơn, Phường Imperia, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ Văn			3.5	3.5	165
16	311448	60	Vũ Quỳnh	Trang	13/02/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Ngữ văn			5.5	5.5	104
1	311449	61	Nguyễn Văn	Trình	13/11/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6	6	63
2	311450	61	Phạm Việt	Trình	16/01/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Ngữ văn			5.25	5.25	125
3	311451	61	Nguyễn Thanh	Trúc	22/11/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Ngữ văn			5.75	5.75	83
4	311452	61	Nguyễn Thị Ngân	Trúc	02/03/2011	9A	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Ngữ văn			5.75	5.75	83
5	311453	61	Vũ Thanh	Trúc	07/02/2011	9B	THCS Bình Hàn, Phường Thành Đông	Ngữ văn			5.75	5.75	83

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
6	311454	61	Lê Cẩm	Tú	22/05/2011	9B	THCS Lê Hồng Phong, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6.5	6.5	34
7	311455	61	Nghiêm Bạch	Tuyết	20/02/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			5	5	136
8	311456	61	Đình Thu	Uyên	21/06/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Ngữ văn			5.5	5.5	104
9	311457	61	Nguyễn Bảo	Uyên	02/05/2011	9I	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			6	6	63
10	311458	61	Vũ Thảo	Uyên	01/12/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Ngữ văn			5.5	5.5	104
11	311459	61	Nguyễn Thanh	Vân	17/12/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Ngữ văn			3	3	170
12	311460	61	Nguyễn Hà	Vy	04/03/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Ngữ văn			5	5	136
13	311461	61	Nguyễn Thị Tường	Vy	20/07/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Ngữ văn			5.5	5.5	104
14	311462	61	Trần Khánh	Vy	14/09/2011	9A4	THCS Dư Hàng Kênh, Phường Lê Chân	Ngữ văn			4.5	4.5	155
15	311463	61	Võ Ngọc Tường	Vy	08/03/2011	9A5	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Ngữ văn			5.25	5.25	125
16	311464	61	Đoàn Thị Như	Ý	04/12/2011	9B	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Ngữ văn			4.5	4.5	155
1	310040	55	Nguyễn Quốc	Anh	03/02/2011	9H	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Sinh học		5.25	5.25	44
2	310116	55	Nguyễn Thị Phương	Đông	06/11/2011	9E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Sinh học		3.25	3.25	90
3	310132	55	Lê Hoàng Ánh	Dương	24/01/2011	9B	THCS Tiên Tiến, Phường Nam Đồng	Tiếng Anh	Sinh học		1.25	1.25	108
4	311465	55	Đình Vũ Khánh	An	18/07/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Sinh học			6.5	6.5	11
5	311466	55	Đỗ Huy Bảo	An	03/01/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Sinh học			5.25	5.25	44
6	311467	55	Nguyễn Phạm Khánh	An	06/08/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Sinh học			5	5	49
7	311468	55	Vũ Bảo	An	22/10/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6	6	22
8	311469	55	Đỗ Nguyễn Lan	Anh	08/03/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Sinh học			4.75	4.75	59
9	311470	55	Lê Xuân	Anh	20/01/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Sinh học			6	6	22
10	311471	55	Mạc Đặng Minh	Anh	28/06/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Sinh học			4.75	4.75	59
11	311472	55	Nguyễn Nhật	Anh	01/02/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Sinh học			4.75	4.75	59
12	311473	55	Nguyễn Tuấn	Anh	06/04/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			4.5	4.5	70
13	311474	55	Phạm Minh	Anh	23/01/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5.5	5.5	41
14	311475	55	Phùng Minh	Anh	08/09/2011	9A5	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Sinh học			6.5	6.5	11
15	311476	55	Vũ Ngọc Phương	Anh	02/06/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6.75	6.75	8
16	311477	55	Nguyễn Đình	Bách	12/10/2011	9E	THCS Lai Cách, Phường Việt Hòa	Sinh học			5.75	5.75	32
1	311478	56	Nguyễn Công	Bảo	04/02/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Sinh học			2.5	2.5	99
2	311479	56	Ngô Trần Ngọc	Bích	26/09/2011	9D	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6	6	22
3	311480	56	Bùi Ngọc	Châu	30/10/2011	9A	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			7	7	6
4	311481	56	Phạm Hà	Châu	19/01/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6	6	22
5	311482	56	Phạm Ngọc Minh	Châu	12/04/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			4	4	80
6	311483	56	Trần Khánh	Chi	13/04/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Sinh học			6.75	6.75	8
7	311484	56	Trần Lê Khánh	Chi	28/11/2011	9A9	THCS Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	Sinh học			4.75	4.75	59
8	311485	56	Lưu Bá	Cường	05/08/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			7.5	7.5	2

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
9	311486	56	Vũ Công Minh	Đăng	13/02/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Sinh học			6.5	6.5	11
10	311487	56	Đoàn Bảo	Đạt	11/05/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Sinh học			6	6	22
11	311488	56	Nguyễn Như Tuấn	Đạt	08/08/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Sinh học			6	6	22
12	311489	56	Phan Anh	Đức	13/06/2011	9A8	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Sinh học			5	5	49
13	311490	56	Lê Thùy	Dương	05/09/2011	9A	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5	5	49
14	311491	56	Nguyễn Ngọc Ánh	Dương	14/05/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5.75	5.75	32
15	311492	56	Nguyễn Triệu	Dương	14/12/2012	8E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			1	1	109
16	311493	56	Quách Thái	Dương	18/12/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			4.5	4.5	70
1	311494	57	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	22/03/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Sinh học			7.75	7.75	1
2	311495	57	Đông Thị Kim	Giang	09/01/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			7.5	7.5	2
3	311496	57	Lương Ngọc	Hà	05/07/2011	9A9	THCS Đăng Hải, Phường Hải An	Sinh học			5	5	49
4	311497	57	Hoàng Trung	Hải	16/08/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Sinh học			3.5	3.5	88
5	311498	57	Nguyễn Đức	Hải	19/07/2011	9A	THCS Cửu Vạn An, Phường Trần Hưng Đạo	Sinh học			4.75	4.75	59
6	311499	57	Trần Nam	Hải	11/02/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			7.25	7.25	5
7	311500	57	Bùi Gia	Hân	16/07/2011	9A	THCS Văn Tố, Xã Chí Minh	Sinh học			4.5	4.5	70
8	311501	57	Hồ Khánh	Hân	01/12/2011	9D6	THCS An Đà, Phường Gia Viên	Sinh học			7.5	7.5	2
9	311502	57	Nguyễn Lê Bảo	Hân	08/07/2011	9D	THCS Định Sơn, Xã Cẩm Giang	Sinh học			3	3	93
10	311503	57	Nguyễn Danh	Hiển	21/01/2011	9A	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Sinh học			4.75	4.75	59
11	311504	57	Phạm Gia	Hưng	04/04/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Sinh học			5	5	49
12	311505	57	Vũ Gia	Hưng	14/10/2011	9A1	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Sinh học			4.5	4.5	70
13	311506	57	Khúc Danh	Huy	19/11/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Sinh học			7	7	6
14	311507	57	Nguyễn Vũ Gia	Huy	30/11/2011	9E	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5.75	5.75	32
15	311508	57	Lê Gia	Khánh	01/06/2011	9C	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Sinh học			5.5	5.5	41
16	311509	57	Nguyễn Bảo	Khánh	03/08/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6.5	6.5	11
1	311510	58	Nguyễn Nam	Khánh	24/07/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Sinh học			4.75	4.75	59
2	311511	58	Trần Nam	Khánh	23/07/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6	6	22
3	311512	58	Nguyễn Tiến	Khoa	30/11/2011	9A4	THCS Nguyễn Bá Ngọc, Phường An Biên	Sinh học			3.75	3.75	83
4	311513	58	Tăng Minh	Khoa	07/07/2011	9H	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5	5	49
5	311514	58	Lưu Trung	Kiên	26/05/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5.25	5.25	44
6	311515	58	Nguyễn Nhân	Kiệt	05/06/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5.75	5.75	32
7	311516	58	Đàm Nguyễn Uyên	Linh	25/01/2011	9A7	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Sinh học			4.75	4.75	59
8	311517	58	Đình Phương	Linh	18/08/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			4.5	4.5	70
9	311518	58	Lê Ngọc Khánh	Linh	23/05/2012	8E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			2.75	2.75	97
10	311519	58	Nguyễn Vũ Phương	Linh	21/12/2011	9A	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Sinh học			3.25	3.25	90
11	311520	58	Phạm Vy	Linh	25/06/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5	5	49

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
12	311521	58	Nguyễn Phúc	Lộc	05/07/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Sinh học			3.5	3.5	88
13	311522	58	Lê Thị Ngọc	Mai	25/07/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5.75	5.75	32
14	311523	58	Đình Xuân Nhật	Minh	23/08/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Sinh học			2	2	105
15	311524	58	Lê Nhật	Minh	14/09/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Sinh học			2	2	105
16	311525	58	Lý Bá Quang	Minh	21/04/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6	6	22
1	311526	59	Nguyễn Tiến	Minh	10/01/2011	9D	THCS Quang Thành, Xã Nam An Phú	Sinh học			3.75	3.75	83
2	311527	59	Bùi Hà	My	23/08/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			2	2	105
3	311528	59	Phạm Trà	My	12/03/2012	8E	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			0.5	0.5	110
4	311529	59	Lê Gia	Nam	12/07/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6.25	6.25	16
5	311530	59	Phạm Hải	Nam	26/06/2011	9B	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Sinh học			5	5	49
6	311531	59	Đỗ Phương	Nga	16/05/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5.25	5.25	44
7	311532	59	Nguyễn Phương	Nga	04/03/2011	9A	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Sinh học			5	5	49
8	311533	59	Lê Hải	Ngân	11/09/2011	9A9	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Sinh học			3	3	93
9	311534	59	Nguyễn Phạm Bảo	Ngân	20/03/2011	9A1	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Sinh học			6.25	6.25	16
10	311535	59	Vũ Thu	Ngân	04/03/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6.25	6.25	16
11	311536	59	Vũ Tiến Trí	Nghĩa	04/04/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Sinh học			4	4	80
12	311537	59	Lê Phương	Ngọc	08/10/2011	9A	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Sinh học			6.25	6.25	16
13	311538	59	Ngô Bảo	Ngọc	26/06/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Sinh học			3.75	3.75	83
14	311539	59	Nguyễn Khánh	Ngọc	26/04/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Sinh học			6.25	6.25	16
15	311540	59	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	30/05/2011	9B	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Sinh học			4.25	4.25	78
16	311541	59	Vũ Khánh	Ngọc	27/06/2011	9B	THCS Cẩm Thượng, Phường Thành Đông	Sinh học			5.75	5.75	32
1	311542	60	Lê Anh	Nguyễn	14/06/2011	9A1	THCS Lương Khánh Thiện, Phường Phù liên	Sinh học			3.25	3.25	90
2	311543	60	Vũ huyền	Nhi	19/01/2011	9a2	THCS Lương Khánh Thiện, Phường Phù liên	Sinh học			4.5	4.5	70
3	311544	60	Vũ Hải	Phong	17/07/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			4.75	4.75	59
4	311545	60	Lê Hồng	Phúc	28/10/2011	9G	THCS Tứ Minh, Phường Tứ Minh	Sinh học			5.75	5.75	32
5	311546	60	Trần Bích	Phương	16/8/2011	9a11	Thcs Trần Phú, Phường Lê Chân	Sinh học			6	6	22
6	311547	60	Vũ Minh	Quân	21/11/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			3	3	93
7	311548	60	Nguyễn Đức	Quang	07/07/11	9A9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Sinh học			5.5	5.5	41
8	311549	60	Đỗ Vũ Thục	Quyên	27/07/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			3	3	93
9	311550	60	Nguyễn Đan	Sa	28/04/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Sinh học			2.25	2.25	103
10	311551	60	Phạm Tấn	Sang	17/10/2011	9C	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Sinh học			6.5	6.5	11
11	311552	60	Nguyễn Phương	Thanh	01/02/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			3.75	3.75	83
12	311553	60	Mai Phương	Thảo	26/10/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			2.75	2.75	97
13	311554	60	Đoàn Trường	Thịnh	03/09/2011	9C	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Sinh học			4.5	4.5	70
14	311555	60	Phí minh	Thu	10/08/2011	9A15	Thcs Trần Phú, Phường Lê Chân	Sinh học			5.75	5.75	32

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
15	311556	60	Nguyễn Minh	Thư	15/08/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			2.25	2.25	103
16	311557	60	Vũ Anh	Thư	19/10/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miện	Sinh học			4.5	4.5	70
1	311558	61	Nghiêm Trọng	Toàn	09/04/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6.25	6.25	16
2	311559	61	Đặng Thị Huyền	Trang	28/05/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Sinh học			6	6	22
3	311560	61	Lương Minh	Trang	29/03/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Sinh học			4.25	4.25	78
4	311561	61	Đồng Thanh	Trúc	17/01/2011	9A1	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Sinh học			2.5	2.5	99
5	311562	61	Nguyễn Lê Minh	Tú	06/12/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			6.75	6.75	8
6	311563	61	Doãn Phạm Sơn	Tùng	06/11/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			2.5	2.5	99
7	311564	61	Hoàng Đình	Tùng	05/12/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			4	4	80
8	311565	61	Hà Mạnh	Tường	15/02/2011	9A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5.75	5.75	32
9	311566	61	Lê Hà	Vi	20/11/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			5.25	5.25	44
10	311567	61	Hoàng Đức	Việt	04/10/2011	9A1	THCS Quang Trung, Phường Ngô Quyền	Sinh học			2.5	2.5	99
11	311568	61	Trịnh Ngân	Vy	01/09/2011	9B	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Sinh học			3.75	3.75	83
12	311569	61	Phạm Như	Ý	07/02/2011	9A3	THCS Lê Lợi, Phường Hải An	Sinh học			4.75	4.75	59
13	311570	61	Nguyễn Vũ Hoàng	Yến	01/11/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Sinh học			4.75	4.75	59
14	311571	61	Vũ Hải	Yến	17/07/2011	9A1	THCS Quán Toan, Phường Hồng An	Sinh học			5	5	49
15	311663	61	Trịnh Văn	Hải	18/05/2011	9A12	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Sinh học			5	5	49
16	311664	61	Vũ Ngọc Mai	Phương	14/02/2011	9A4	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Sinh học			6.25	6.25	16
17	311665	61	Lê Hải	Đăng	27/01/2011	9A15	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Sinh học			4	4	80
18	311666	61	Vũ Bảo	Ngọc	22/01/2011	9A4	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Sinh học			5	5	49
1	310042	62	Nguyễn Việt	Anh	11/05/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tiếng Anh	Tin học		6.00	6	35
2	310314	62	Lê Nhật	Minh	30/09/2012	8K	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tiếng Anh	Tin học		3.00	3	80
3	310332	62	Vũ Đăng	Minh	10/03/2012	8G1	THCS Newton, Phường Thành Đông	Tiếng Anh	Tin học		2.20	2.2	84
4	310364	62	Nguyễn Tường	Nguyễn	26/02/2011	9	THCS Trương Bàng, Phường Hồng Bàng	Tiếng Anh	Tin học		6.20	6.2	28
5	311572	62	Phạm Quỳnh	Anh	12/12/2011	9I	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.00	5	53
6	311573	62	Lê Phương	Ánh	07/03/2011	9G	THCS Tứ Minh, Phường Tứ Minh	Tin học			2.50	2.5	82
7	311574	62	Phạm Quang	Bắc	23/02/2011	9C	THCS Chu Văn An, Xã Thanh Hà	Tin học			5.30	5.3	48
8	311575	62	Hoàng Phúc Gia	Bảo	09/08/2011	9E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			4.80	4.8	62
9	311576	62	Nguyễn Quốc	Bảo	28/01/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			6.50	6.5	24
10	311577	62	Nguyễn Quốc	Bảo	28/09/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.70	5.7	39
11	311578	62	Phạm Gia	Bảo	17/10/2011	9A1	THCS-THPT FPT	Tin học			5.50	5.5	44
12	311579	62	Trần Quốc	Bảo	28/07/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Tin học			6.20	6.2	28
13	311580	62	Lê Thanh	Bình	17/12/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			4.00	4	69
14	311581	62	Phạm Đức	Bình	31/12/2011	9C	THCS Ngọc Châu, Phường Hải Dương	Tin học			8.20	8.2	6
15	311582	62	Vũ Xuân Tuấn	Cường	21/08/2011	9B	THCS Cộng Hòa, Xã Lai Khê	Tin học			5.60	5.6	40

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
16	311583	62	Đỗ Phúc	Đạt	12/11/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.10	5.1	52
17	311584	62	Nguyễn Quyết	Đạt	18/01/2011	9A	THCS Chu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Tin học			0.00	0	91
18	311585	62	Nguyễn Xuân	Đức	10/03/2011	9B	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tin học			6.70	6.7	19
19	311586	62	Phạm Hoàng Anh	Đức	25/09/2011	9A7	THCS Đông Hoà, phường Kiến An	Tin học			8.50	8.5	5
20	311587	62	Nguyễn Quang	Dũng	26/05/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			7.00	7	13
1	311588	63	Phạm Công	Dũng	12/03/2012	8E	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			6.10	6.1	33
2	311589	63	Vũ Việt	Dũng	07/06/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.00	5	53
3	311590	63	Nguyễn Phạm Hải	Dương	11/07/2011	9	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Tin học			9.00	9	2
4	311591	63	Nguyễn Thùy	Dương	29/06/2011	9K	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			3.80	3.8	72
5	311592	63	Hoàng Lân	Duy	29/04/2011	9G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			3.50	3.5	79
6	311593	63	Nguyễn Khang	Duy	07/07/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tin học			5.80	5.8	38
7	311594	63	Nguyễn Khánh	Duy	18/08/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			4.50	4.5	68
8	311595	63	Lê Hoàng	Giang	26/08/2011	9A6	THCS Đăng Hải, Phường Hải An	Tin học			3.70	3.7	74
9	311596	63	Nguyễn Hoàng	Giang	05/10/2012	8D	THCS Chu Văn An, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			3.70	3.7	74
10	311597	63	Hoàng Trung	Hải	03/11/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tin học			4.00	4	69
11	311598	63	Phạm Quang	Hải	06/11/2011	9A1	THCS Lương Khánh Thiên, Phường Phù Liên	Tin học			4.80	4.8	62
12	311599	63	Nguyễn Thái	Hưng	30/08/2011	9C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			2.50	2.5	82
13	311600	63	Lê Đức	Huy	29/07/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tin học			6.70	6.7	19
14	311601	63	Nguyễn Phúc Quang	Huy	06/02/2011	9A3	THCS Phú Thái, Xã Phú Thái	Tin học			6.10	6.1	33
15	311602	63	Tăng Đức Gia	Huy	18/10/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tin học			6.70	6.7	19
16	311603	63	Lưu Bảo	Khang	16/02/2011	9C	THCS Nguyễn Huệ, Phường Tứ Minh	Tin học			6.30	6.3	27
17	311604	63	Trịnh Đình Minh	Khang	03/07/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.90	5.9	36
18	311605	63	Bùi Gia	Khánh	08/02/2011	9B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			2.00	2	85
19	311606	63	Nguyễn Chí Gia	Khánh	17/04/2012	8D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học					Vắng
20	311607	63	Nguyễn Duy	Khoa	25/05/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			6.20	6.2	28
21	311608	63	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	28/01/2011	9B1	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia,	Tin học			3.70	3.7	74
22	311609	63	Nguyễn Tuấn	Khoa	22/05/2011	9A9	THCS Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng	Tin học			6.60	6.6	22
23	311610	63	Phạm	Kiệt	04/09/2011	9B	THCS Tân Trường, Xã Mao Điền	Tin học			3.70	3.7	74
24	311611	63	Nguyễn Vượng	Lâm	22/02/2011	9D	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.00	5	53
25	311612	63	Phạm Hoàng	Lâm	03/11/2012	8H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.00	5	53
26	311613	63	Phan Bảo	Lâm	14/04/2011	9A1	THCS Nguyễn Lương Bằng, Xã Thanh Miên	Tin học			6.40	6.4	25
27	311614	63	Trần Minh	Lâm	24/09/2012	8B	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			6.80	6.8	16
28	311615	63	Vũ Đức	Lâm	03/10/2012	8C	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.00	5	53
29	311616	63	Nguyễn Thị Phương	Linh	16/03/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			2.00	2	85
30	311617	63	Doãn Hoàng	Long	05/01/2011	9A1	Thcs Lê Ich Mốc, Phường Thủy	Tin học			9.00	9	2
1	311618	64	Vũ Kim	Long	07/01/2011	9D	THCS Quang Thành, Xã Nam An Phú	Tin học			5.60	5.6	40
2	311619	64	Bùi Xuân Gia	Minh	22/07/2011	9D	THCS-THPT Marie Curie,	Tin học			4.60	4.6	67
3	311620	64	Đào Anh	Minh	28/01/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tin học			6.40	6.4	25
4	311621	64	Đoàn Nhật	Minh	03/07/2011	9D	THCS Hải Tân, Phường Tân Hưng	Tin học			6.60	6.6	22
5	311622	64	Nguyễn Hiền	Minh	27/09/2011	9H	THCS Tứ Minh, Phường Tứ Minh	Tin học			2.00	2	85

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
6	311623	64	Nguyễn Quang	Minh	03/09/2011	9G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.30	5.3	48
7	311624	64	Phạm Tiến	Minh	24/05/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tin học			6.90	6.9	14
8	311625	64	Vũ Đức	Minh	24/07/2011	9A	THCS Ngô Gia Tự, Phường Hải Dương	Tin học			2.00	2	85
9	311626	64	Vũ Thái	Minh	22/03/2011	9B	THCS Vũ Hữu, Xã Đường An	Tin học			9.70	9.7	1
10	311627	64	Bùi Quang	Nam	02/08/2011	9A4	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tin học			4.80	4.8	62
11	311628	64	Nguyễn Bảo	Nam	29/01/2011	9N	THCS Tân Bình, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			6.90	6.9	14
12	311629	64	Phạm Hải	Nam	06/04/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			3.00	3	80
13	311630	64	Nguyễn Khôi	Nguyễn	05/07/2011	9B	THCS Phan Bội Châu, Xã Tứ Kỳ	Tin học			6.80	6.8	16
14	311631	64	Bùi Vũ Bảo	Nhân	12/06/2011	9A9	THCS Đặng Hải, Phường Hải An	Tin học			7.40	7.4	9
15	311632	64	Nguyễn Thiện	Nhân	13/07/2011	9D	THCS Thị Trấn Núi Đồi, Xã Kiến Thụy	Tin học			5.40	5.4	45
16	311633	64	Nguyễn Văn	Nhất	05/03/2011	9B	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Tin học			5.30	5.3	48
17	311634	64	Nguyễn Minh	Nhật	08/03/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			4.80	4.8	62
18	311635	64	Đặng Trường	Phát	08/01/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tin học			5.60	5.6	40
1	311636	65	Đặng Tuấn	Phong	15/12/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Tin học			7.10	7.1	12
2	311637	65	Lê Nam	Phong	15/11/2011	9A	THCS Cửu Văn An, Phường Trần Hưng Đạo	Tin học			2.00	2	85
3	311638	65	Trần Lam	Phong	21/07/2011	9A1	THCS Võ Thị Sáu, Phường An Biên	Tin học			7.20	7.2	10
4	311639	65	Nguyễn An	Phúc	28/10/2011	9G	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.90	5.9	36
5	311640	65	Vương Minh	Phúc	27/08/2012	8G	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.00	5	53
6	311641	65	Đồng Lê Trúc	Phương	02/09/2011	9	THCS Trần Phú, Phường An Biên	Tin học			6.20	6.2	28
7	311642	65	Hà Hồng	Quân	28/10/2011	9C	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Tin học			7.20	7.2	10
8	311643	65	Nguyễn Minh	Quân	20/03/2011	9C	THCS Phạm Sư Mạnh, Phường Kinh Môn	Tin học			6.80	6.8	16
9	311644	65	Nguyễn Hồng	Thái	24/02/2011	9A	THCS Minh Tân, Phường Nhị Chiểu	Tin học			3.80	3.8	72
10	311645	65	Vũ Đình Quang	Thái	08/01/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tin học			5.60	5.6	40
11	311646	65	Cao Xuân	Thắng	04/01/2012	8A	THCS Lê Quý Đôn, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.20	5.2	51
12	311647	65	Vũ Đức	Thành	08/04/2011	9A1	THCS Trần Phú, Phường Phù Liễn	Tin học			5.00	5	53
13	311648	65	Cao Phú	Thịnh	01/04/2011	9A1	THCS-THPT FPT,	Tin học			4.00	4	69
14	311649	65	Lê Việt	Tiến	24/12/2011	9H	THCS Võ Thị Sáu, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			5.00	5	53
15	311650	65	Đặng Minh	Tuấn	11/03/2011	9A	THCS Lê Thanh Nghị, Xã Gia Lộc	Tin học			5.00	5	53
16	311651	65	Lê Anh	Tuấn	22/04/2011	9B	THCS Nguyễn Trãi, Xã Nam Sách	Tin học			5.40	5.4	45
17	311652	65	Hà Sơn	Tùng	18/05/2011	9E	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			7.80	7.8	7
18	311653	65	Trần Minh	Tùng	15/08/2011	9A	THCS Thăng Long, Xã Nam An Phụ	Tin học			6.20	6.2	28
19	311654	65	Đỗ Tố	Uyên	07/07/2011	9D	THCS Cao An, Phường Việt Hóa	Tin học			4.80	4.8	62
20	311655	65	Đỗ Hoàng Khánh	Vân	15/07/2011	9B	THCS Thành Nhân, Xã Ninh Giang	Tin học			3.60	3.6	78
21	311656	65	Bùi Bách Phương	Vinh	27/05/2011	9C	THCS Lai Vu, Xã Lai Khê	Tin học			5.40	5.4	45
22	311657	65	Nguyễn Quang	Vinh	20/05/2011	9I	THCS Bình Minh, Phường Lê Thanh Nghị	Tin học			8.90	8.9	4

TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI
KỲ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II, NGÀY THI 19/4/2026

KẾT QUẢ THI OLYMPIC CNT LẦN THỨ II

STT	SBD	Phòng	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THCS	Nguyện vọng		Điểm thi			Xếp thứ
								NV1	NV2	TN	TL	Tổng	
23	311658	65	Lê Thế	Vũ	20/04/2011	9A9	THCS Đặng Hải, Phường Hải An	Tin học			7.80	7.8	7
24	311661	65	Dương An	Khánh	10/05/2011	9A8	THCS Trần Phú, Phường Lê Chân	Tin học			2.00	2	85